

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Thị trường Gia súc tuần (18/2/2022-24/2/2022)

15:00 25/02/2022 

CÁC DIỄN BIẾN QUAN TRỌNG CỦA THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA TUẦN 18/02/2022-24/02/2022

Thị trường Heo	
Giao dịch Heo hơi nội địa	<p>- Dịch Covid-19 bùng mạnh tại nhiều tỉnh thành khiến nhu cầu tiêu thụ ngoài hộ gia đình yếu trong khi lực bán heo ra thị trường nhiều hơn trong bối cảnh giá TACN tăng kéo giá heo hơi tại thị trường nội địa liên tiếp điều chỉnh giảm trong tuần qua. Theo đó, mặt bằng giá heo miền Bắc về quanh 50-52.000 đồng/kg với heo dân, 53-54.000 đồng/kg với heo công ty; miền Trung và miền Nam cũng giảm về vùng 50-52.000 đồng/kg, cá biệt vẫn có giá trên 52.000 đồng/kg cho heo đẹp.</p> <p>Lưu chuyển heo Bắc – Trung – Nam: Do tồn kho heo biểu to tại miền Nam tăng trong khi nhu cầu đóng heo từ miền Bắc yếu nên ở nửa cuối tuần một số thương lái miền Nam thậm chí hạ giá biểu to loại ra từ đi thành phố còn quanh 48-49.000 đồng/kg để bán ra Bắc. Tương tự, giá heo tại khu vực Bắc miền Trung cũng được kéo giảm để bán ra Bắc, có thời điểm giá heo biểu to thậm chí về quanh 51.000 đồng/kg.</p> <p>- Tại chợ đầu mối Ngọc Lũ, lượng heo về chợ giữa các ngày trong tuần qua không có nhiều chênh lệch, dao động trong khoảng 1.700-2.500 con/ngày, cùng với đó, số xe heo từ miền Nam đưa ra cũng chỉ quanh khoảng 4-6 xe/ngày. Thương lái nghỉ chợ nhiều do dính dịch/lo ngại dịch nên nhìn chung chợ bán chậm, với giá heo tại chợ giảm dần. Nếu như trong ngày đầu tuần, giá heo đầu được 57-58.000 đồng/kg, phổ biến 52-53.000 đồng/kg, thì đến cuối tuần, giá giảm còn quanh 56.000 đồng/kg với hàng đầu, phổ biến còn 51.000 đồng/kg.</p> <p>- Tại lò mổ Vạn Phúc và Minh Hiền (Hà Nội), chủ lò lẫn công nhân lò nhiễm Covid rất nhiều, ảnh hưởng tới lượng heo đưa về cũng như lượng khách tới.</p>
Thương mại	<p>Nhập khẩu chính ngạch:</p> <p>- Heo sống: Trong tuần kết thúc 22/02, không có đơn hàng heo sống nào được nhập về Việt Nam.</p>
Thị trường Trâu/bò	

**Giao dịch
thương mại**

- **Trâu/bò sống:** Trong tuần 16/02-22/02, có trên 1,200 con trâu/bò thịt được nhập về từ Thái Lan thông qua cửa khẩu Cha Lo (Quảng Bình) và cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị), đưa tổng lượng trâu/bò sống nhập về từ thị trường này trong năm 2022 tới ngày 22/02 đạt gần 14,200 con, chiếm 75% thị phần. Bên cạnh đó, trong tuần cũng có trên 900 con bò thịt từ Úc được nhập về thông qua cảng cá Hạ Long với đơn giá bình quân 2,300 USD/con.

A. THỊ TRƯỜNG HEO HƠI

1.1. THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

1.1.1. Giá cả và giao dịch heo hơi, heo giống nội địa

Dịch Covid-19 bùng mạnh tại nhiều tỉnh thành khiến nhu cầu tiêu thụ ngoài hộ gia đình yếu trong khi lực bán heo ra thị trường nhiều hơn trong bối cảnh giá TACN tăng kéo giá heo hơi tại thị trường nội địa liên tiếp điều chỉnh giảm trong tuần qua.

Tại **thị trường miền Bắc**, giá cám heo điều chỉnh tăng từ 200-400 đồng/kg tùy công ty, tạo sức ép lớn lên chi phí chăn nuôi, cộng với dịch Covid 19 bùng mạnh tại nhiều tỉnh thành miền Bắc và Bắc miền Trung là những yếu tố tác động khiến các trại bán heo ra nhiều hơn. Cung có nhiều trong khi sức tiêu thụ của thị trường yếu kéo mặt bằng giá heo hơi tại miền Bắc liên tiếp giảm trong tuần qua. Theo đó, tính tới cận cuối tuần, giá heo khu vực này còn phổ biến quanh 50-52.000 đồng/kg với heo dân, thậm chí có giá 48-49.000 đồng/kg với heo biểu to; một số công ty lớn giảm giá về vùng 53-54.000 đồng/kg nhưng khó bán. Do số ca nhiễm Covid 19 tăng mạnh, cộng thêm nền nhiệt giảm mạnh nên học sinh tiểu học tại các quận nội thành Hà Nội chưa đến trường vào đầu tuần này như dự kiến mà có thể lùi sang đầu tháng 3 khiến nhu cầu tiêu thụ vẫn khá chậm.

Lực tấp heo vào gột tại miền Bắc yếu do giá cám cao và tiết trời lạnh khiến heo dễ bị bệnh.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Khu vực	18/02	21/02	22/02	23/02	24/02	Bình quân tuần này	Thay đổi		
							Tuần trước	Tháng Trước	Năm trước
Heo công ty									
Miền Bắc	56,000- 57,000	56,000- 57,000	55,000- 56,000	55,000- 56,000	54,000- 55,000	55,700	-2,500	-3,300	-22,300
Heo dân									
Thái Bình	54,000- 56,000	53,000- 55,000	52,000- 54,000	51,000- 54,000	50,000- 54,000	53,300	-2,300	-4,700	-25,100
Bắc Giang	54,000- 56,000	53,000- 55,000	52,000- 54,000	51,000- 54,000	50,000- 54,000	53,300	-2,200	-4,700	-24,700

Hà Nội	54,000-56,000	54,000-55,000	53,000-54,000	52,000-54,000	50,000-54,000	53,600	-1,700	-4,100	-24,300
--------	---------------	---------------	---------------	---------------	---------------	--------	--------	--------	---------

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Có diễn biến tương tự, giá heo tại **miền Trung và miền Nam** cũng đồng loạt có điều chỉnh giảm trong tuần vừa rồi. Lực đóng ra Bắc yếu, heo biểu to từ các công ty và trại dân có nhiều hơn, cùng việc giá heo giao dịch tại các chợ đầu mối rút mạnh làm giảm động lực bắt heo của thương lái nên mặt bằng giá heo khu vực này cũng giảm về vùng 50-52.000 đồng/kg trong ngày cận cuối tuần, cá biệt vẫn có giá trên 52.000 đồng/kg cho heo đẹp. Dù giá giảm nhưng do các chợ đầu mối/lò mổ của TPHCM và các tỉnh tiêu thụ trọng điểm bán chậm, cộng thêm heo biểu to bán ra Bắc yếu nên thương lái bắt thận trọng.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (đồng/kg)

Khu vực	18/02	21/02	22/02	23/02	24/02	Bình quân tuần này	Thay đổi		
							Tuần trước	Tháng Trước	Năm trước
Heo công ty									
Miền Trung	54,000-57,500	52,000-57,500	52,000-57,500	52,000-57,500	51,000-57,000	54,800	-2,400	-3,200	-23,300
Heo dân									
Nghệ An	52,000-55,000	51,000-54,000	51,000-54,000	50,000-53,000	50,000-53,000	52,300	-2,700	-4,500	
Bình Định	53,000-54,000	53,000-54,000	53,000-54,000	52,000-53,000	52,000-53,000	53,300	-1,300	-2,500	-23,100
Đắc Lắc	52,000-54,000	51,000-53,000	51,000-53,000	51,000-53,000	51,000-53,000	52,200	-1,200	-3,400	-23,200

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 3. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

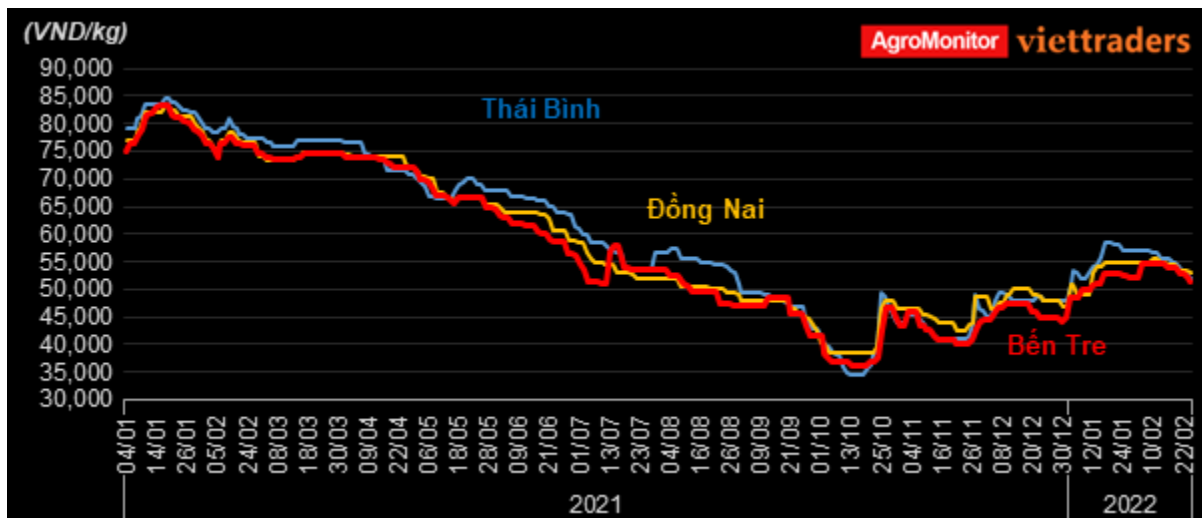
Khu vực	18/02	21/02	22/02	23/02	24/02	Bình quân tuần này	Thay đổi		
							Tuần trước	Tháng Trước	Năm trước
Heo công ty									
Đồng Nai	54,000-57,000	52,000-56,000	52,000-56,000	52,000-56,000	51,000-56,000	54,200	-2,100	-3,300	-24,300
Miền Tây	54,000-57,000	52,000-56,000	52,000-56,000	52,000-56,000	51,000-56,000	54,200	-2,100	-3,300	-24,800
Heo dân									

Đồng Nai	53,000-56,000	52,000-55,000	52,000-55,000	52,000-55,000	51,000-55,000	53,600	-1,300	-1,400	-23,600
Tiền Giang	53,000-55,000	52,000-54,000	52,000-54,000	51,000-53,000	50,000-53,000	52,700	-1,600	-300	-23,800
Bến Tre	53,000-55,000	52,000-54,000	52,000-54,000	51,000-53,000	50,000-53,000	52,700	-1,600	-200	-23,800

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam: Do tồn kho heo biểu to tại miền Nam tăng trong khi nhu cầu đóng heo từ miền Bắc yếu nên ở nửa cuối tuần một số thương lái miền Nam thậm chí hạ giá biểu to loại ra từ đi thành phố còn quanh 48-49.000 đồng/kg để bán ra Bắc. Tương tự, giá heo tại khu vực Bắc miền Trung cũng được kéo giảm để bán ra Bắc, có thời điểm giá heo biểu to thậm chí về quanh 51.000 đồng/kg.

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi tại Đồng Nai, Thái Bình và Bến Tre từ 1/2020-24/02/2022 (đồng/kg)



Nguồn: CSDL AgroMonitor

Bảng 4. Bảng giá heo giống tại thị trường nội địa (VND/kg)

Khu vực	Tuần này	Thay đổi giá		
		Tuần trước	Tháng trước	Năm trước
Heo dân loại xách tai (VND/con)				
Miền Bắc (6-7kg)	1,200,000 – 1,400,000	0	▲100,000-200,000	▼1,500,000
Miền Nam (7-9kg)	1,300,000 – 1,400,000	0	0	▼1,400,000 - 1,600,000
Heo công ty loại xách tai 6-7kg (VND/con)				
Miền Bắc	1,300,000 – 1,400,000	0	0	▼1,400,000

Miền Nam	1,000,000 – 1,200,000	0	0	▼1,700,000 - 2,000,000
Heo công ty loại 20kg (VND/kg)				
Miền Bắc	95,000 – 100,000	0	0	-
Miền Nam	75,000 – 90,000	0	0	▼105,000 - 125,000

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.1.2. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

Tại chợ đầu mối Ngọc Lũ, lượng heo về chợ giữa các ngày trong tuần qua không có nhiều chênh lệch, dao động trong khoảng 1.700-2.500 con/ngày, cùng với đó, số xe heo từ miền Nam đưa ra cũng chỉ quanh khoảng 4-6 xe/ngày. Thương lái nghỉ chợ nhiều do dính dịch/lo ngại dịch nên nhìn chung chợ bán chậm, với giá heo tại chợ giảm dần. Nếu như trong ngày đầu tuần, giá heo đầu được 57-58.000 đồng/kg, phổ biến 52-53.000 đồng/kg, thì đến cuối tuần, giá giảm còn quanh 56.000 đồng/kg với hàng đầu, phổ biến còn 51.000 đồng/kg.

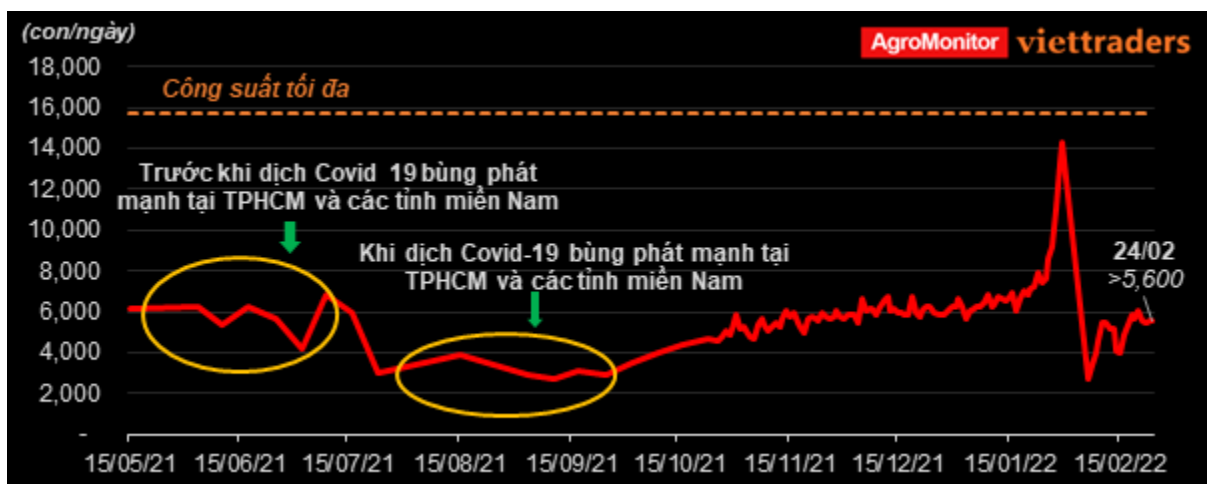
Tại lò mổ Vạn Phúc và Minh Hiền (Hà Nội), chủ lò lần công nhân lò nhiễm Covid rất nhiều, ảnh hưởng tới lượng heo đưa về cũng như lượng khách tới.

Bảng 5. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mối (con; đồng/kg)

Chợ đầu mối	18/02	21/02	22/02	23/02	24/02	Tổng	So với tuần trước
Miền Bắc-Chợ đầu mối Ngọc Lũ (Hà Nam)							
Lượng heo mới đưa về chợ (số xe heo miền Nam đóng ra)	< 2,500 (4-5 xe)	1,700-1,800 (4-5 xe)	~2,000 (4 xe)	~2,500 (5 xe)	~2,500 (5-6 xe)	~11,250	-1,750
Giá giao dịch tại chợ (đồng/kg)	53,000-58,000	52,000-57,000	53,500-58,000	53,000-56,000	51,000-56,000	-	-
Miền Nam-Chợ đầu mối Tân Xuân (TPHCM)							
Lượng heo bán (con)	3,970	3,693	~3,500	~3,800	>3,800	>18,763	3,337
Giá giao dịch (đồng/kg)	39,000-70,000	58,000-67,000	55,000-70,000	40,000-70,000	50,000-68,000	-	-

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 2. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (tính tới 24/02/2022) (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.1.3. Thương mại

1.1.3.1. Xuất/nhập khẩu theo chính ngạch (Tính tới ngày 22/02/2022, * số liệu sơ bộ)

· Nhập khẩu

Heo sống

- Trong tuần kết thúc 22/02, không có đơn hàng heo sống nào được nhập về Việt Nam.

Bảng 6. Lượng heo cái giống nhập khẩu về Việt Nam theo chủng loại (con)

Năm	2020	2021					2022
		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tổng	
Loại con giống							1*
Bố mẹ	35,594	5,196	2,800	340	299	8,635	-
Cụ kỵ	3,632	374	1,312	12	2,030	3,728	125
Ông bà	4,272		870	576	-	1,446	-
Tổng	43,498	5,570	4,982	928	2,329	13,809	125

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thịt heo và phụ phẩm

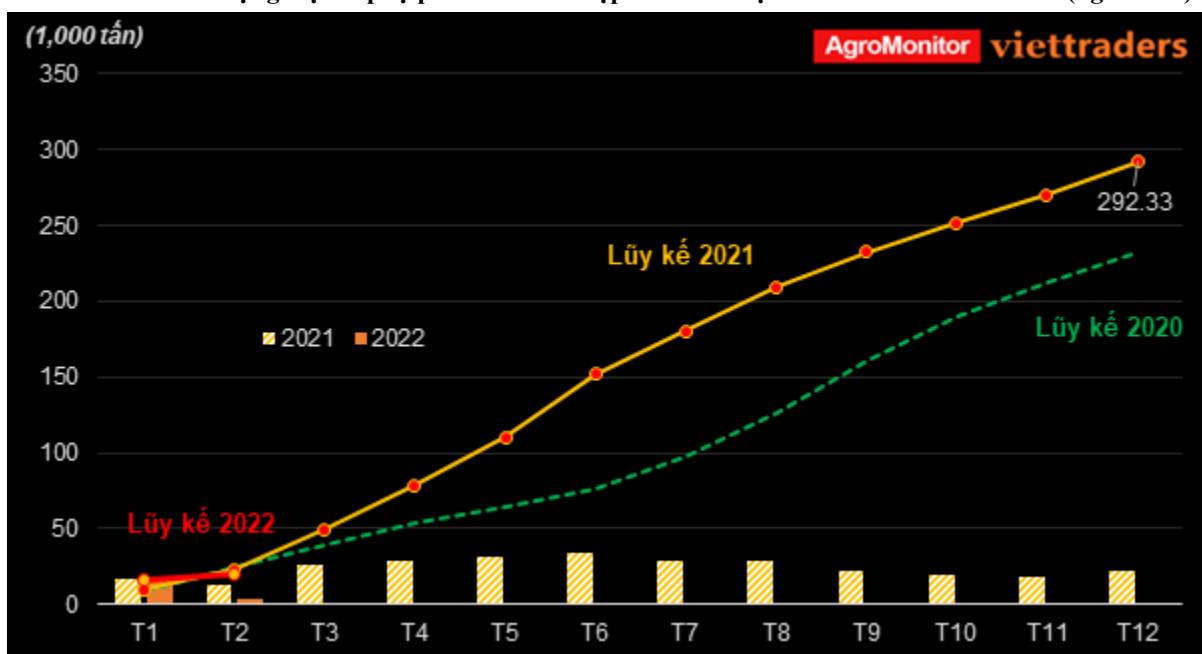
Bảng 7. Lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam theo tháng từ 1/2020-15/02/2022 (tấn)

Tháng	2020		2021		2022	
	Thịt heo	Phụ phẩm	Thịt heo	Phụ phẩm	Thịt heo	Phụ phẩm
1	2,451.8	6,248.8	10,255.3	6,814.6	10,359.7	5,691.6
2	7,336.0	8,490.0	8,641.0	4,299.8	2,613.4	1,347.8
3	7,190.0	8,196.4	15,545.6	10,939.6		

4	6,207.1	7,628.1	17,102.7	11,697.7		
5	4,009.3	7,188.2	15,772.0	15,917.5		
6	5,681.7	5,309.4	17,762.9	16,980.3		
7	13,159.4	8,164.4	14,815.8	14,110.0		
8	19,818.7	9,887.5	14,670.3	14,416.6		
9	23,478.2	9,979.9	12,834.7	9,915.2		
10	20,603.5	9,332.5	12,627.2	6,690.1		
11	16,003.1	6,135.8	13,085.5	5,364.2		
12	13,329.3	6,021.1	14,165.0	5,321.4		
Tổng	139,268.2	92,582.1	167,278.1	122,467.1	12,973.1	7,039.4

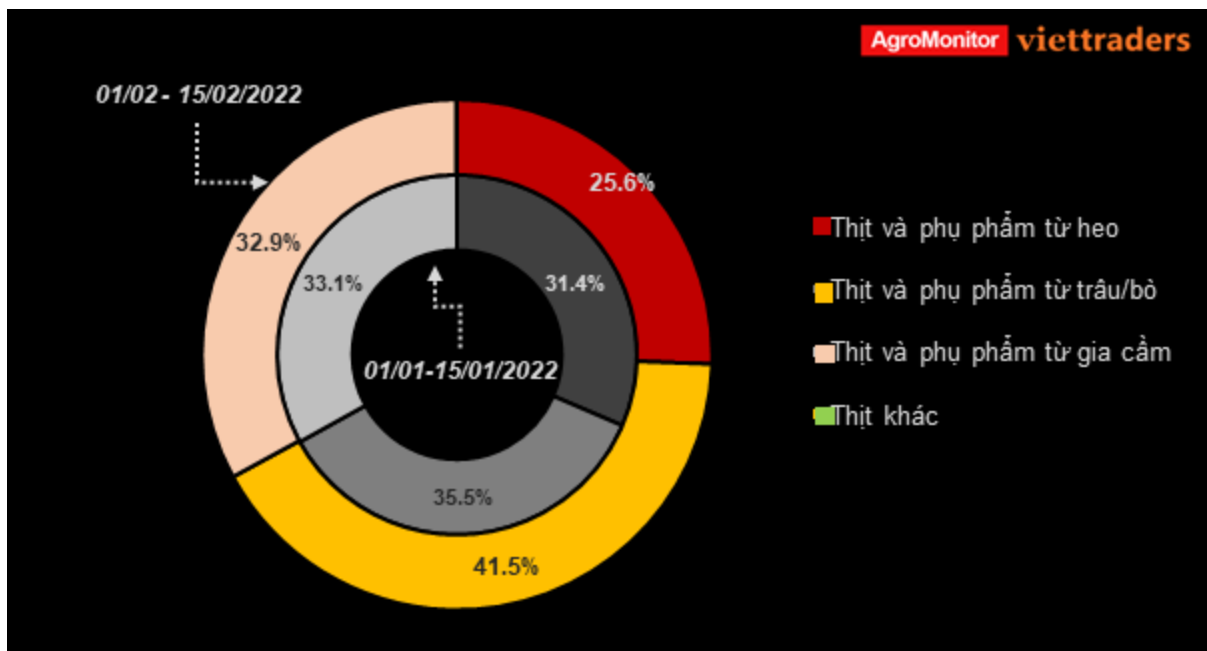
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 3. Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam từ 2020-15/02/2022 (nghìn tấn)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 4. Tỷ trọng nhập khẩu một số loại thịt về Việt Nam trong 8 ngày đầu tháng 2/2022 so với cùng kỳ tháng trước (%)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

· **Xuất khẩu**

Heo sống

- Trong tháng 1/2022, Việt Nam không xuất khẩu heo sống sang các thị trường

Bảng 8. Lượng heo giống Việt Nam xuất khẩu từ tháng 10-12/2021 (con; USD/con)

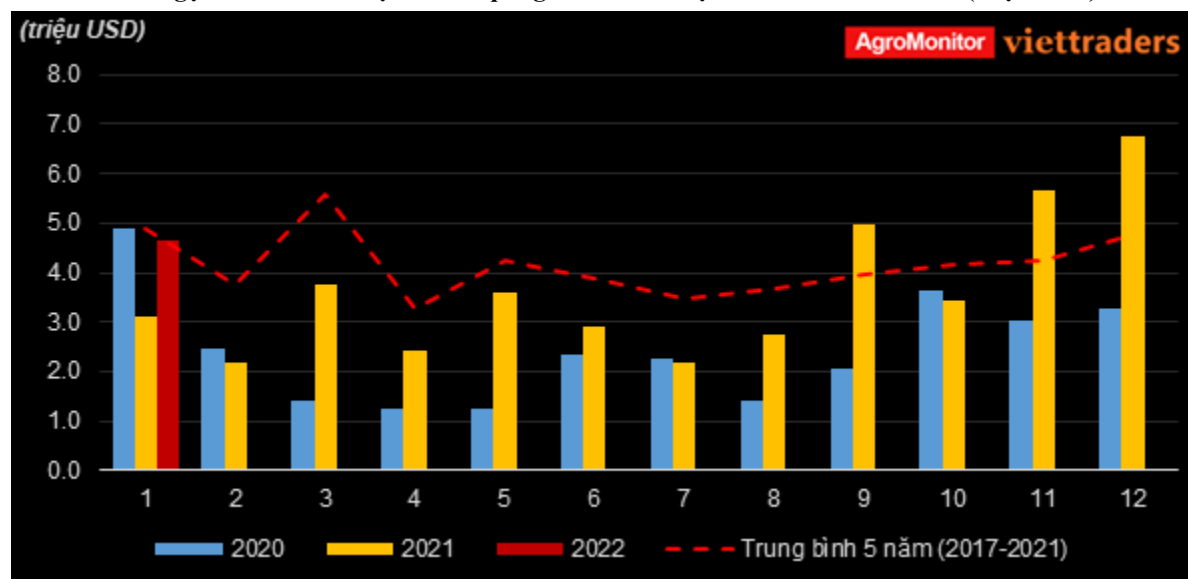
Nước nhập khẩu	Phân loại	Lượng (con)	Đơn giá (USD/con)	Cảng xuất khẩu
Tháng 10				
Lào	Heo cái giống	112	249	Cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị)
Tháng 11				
Lào	Heo cái giống	110	303	Cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị)
Tháng 12				
Lào	Heo cái giống	110	279	Cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị)

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thịt heo

- Giá trị xuất khẩu thịt và phụ phẩm từ heo của Việt Nam sang các thị trường khác trong tháng 1/2022 giảm 31% so với tháng trước nhưng tăng gấp 1.5 lần so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng, Hồng Kông tiếp tục là thị trường nhập khẩu thịt heo đã qua giết mổ lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch nhập khẩu chiếm tới trên 87% thị phần, ở vị trí thứ hai là Thái Lan với 12% và một lượng nhỏ được đưa sang Lào.

Hình 5. Kim ngạch xuất khẩu thịt heo đã qua giết mổ của Việt Nam năm 2020-2022 (triệu USD)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

- Về lượng xuất khẩu, lượng thịt heo (mã HS 0203) xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 1/2022 đạt trên 570 nghìn tấn, ghi nhận tháng thứ 3 liên tiếp thịt heo Việt Nam được đưa sang Thái Lan.

Bảng 9. Lượng thịt heo Việt Nam xuất khẩu trong tháng 11/2021-1/2022 (kg)

Nước nhập khẩu	Khu vực xuất khẩu	Lượng xuất khẩu (kg)		
		Tháng 11	Tháng 12	Tháng 01
Hong Kong	Miền Bắc	402,323	497,573	369,609
Hàn Quốc	Miền Trung	260	-	-
Lào	Miền Trung	-	-	13,000
Malaysia	Miền Nam	570	-	-
Thái Lan	Miền Bắc	26,702	-	-
	Miền Nam	167,245	279,815	189,465
Tổng		570,398	804,089	572,074

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.2. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Bảng 10. Bảng giá heo hơi tại một số thị trường châu Á trong tuần 18/02-24/02/2022

Loại giá	Đơn vị	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02	23/02	24/02
Trung Quốc								
(Giao ngay) Bình quân	CNY/kg	12.56	12.69	12.62	12.73	12.61	12.63	12.58
(Giao ngay) Quảng Tây	CNY/kg	12.58	13.02	13.40	13.40	12.87	12.72	12.81

(DCE) Kỳ hạn T3/2022	CNY/kg	12.61	-	-	12.55	12.39	12.47	12.37
(DCE) Kỳ hạn T5/2022	CNY/kg	14.26	-	-	14.15	13.86	14.00	14.07
(DCE) Kỳ hạn T7/2022	CNY/kg	15.80	-	-	15.69	15.40	15.41	15.58
Thái Lan								
Giao ngay – bình quân	Baht/kg	90.67	90.67	90.67	87.83	87.83	87.83	87.83
Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	95.00	95.00	95.00	78.00	78.00	78.00	78.00
Campuchia								
Giao ngay	KHR/kg	13,077	13,065	13,065	13,033	13,033	12,910	12,994
Indonesia								
Giao ngay	IDR/kg	57,023	57,565	57,463	58,988	58,781	56,475	58,017

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 11. Bảng giá heo hơi tại một số thị trường châu Mỹ trong tuần 18/02-24/02/2022

Loại giá	Đơn vị	18/02	19/02	22/02	23/02	24/02
Mỹ						
Giao ngay	Uscent/pound	68.85	68.85	-	68.85	68.85
(CME) Kỳ hạn T4/2022	Uscent/pound	107.58	109.40	-	112.08	108.03
(CME) Kỳ hạn T5/2022	Uscent/pound	111.33	113.35	-	115.65	112.65
(CME) Kỳ hạn T6/2022	Uscent/pound	117.18	118.63	-	121.23	118.78
Canada						
Giao ngay	Penny/kg	195.21	195.21	195.21	195.21	195.21
Brazil						
Giao ngay	USD/kg	1.04	1.05	1.09	1.10	1.12

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.2.1. Trung Quốc

Sản xuất – Tiêu thụ

- **Đàn heo nái Trung Quốc có chiều hướng giảm trong tháng 1/2022.** Dữ liệu công bố từ Bộ NN Trung Quốc cho biết, đàn heo nái nước này tại thời điểm cuối tháng 1/2022 đạt 42,9 triệu con, giảm 0,9% so với tháng trước và 3,7% so với cùng kỳ năm trước. Theo thống kê, trong tháng 1, lượng heo vừa và lớn trên 5 tháng tuổi tồn kho tại các trang trại giảm 4% so với tháng trước cho thấy nguồn cung heo Trung Quốc đang được cắt giảm để phù hợp hơn với nhu cầu.

Thương mại

- Trong tuần kết thúc vào 10/02, Trung Quốc chỉ mua thêm gần 300 tấn thịt heo từ Mỹ trong khi lượng xuất khẩu từ Mỹ đi Trung Quốc vẫn đạt trên 3.500 tấn, nâng tổng lượng thịt heo Trung Quốc mua của Mỹ trong năm 2022 tới ngày 10/02 đạt trên 42.400 tấn, giảm tới 73% so với cùng kỳ năm 2021.

Diễn biến giá heo hơi

- Giá heo hơi Trung Quốc chứng lại đà giảm vào tuần này khi công ty/dân giảm lượng bán ra để chờ triển khai các kế hoạch mua dự trữ thịt heo. Đà tăng mạnh của giá nguyên liệu TACN tiếp tục chi phối thị trường chăn nuôi của Trung Quốc khi các công ty TACN điều chỉnh tăng giá cám thành phẩm từ 75-300 tệ/tấn theo đà tăng của giá nguyên liệu đầu vào. Trong khi đó giá heo hơi vẫn chưa có nhiều điểm sáng phục hồi khi mặt bằng giá đã giảm về tiệm cận với chi phí sản xuất, theo đó nhiều địa phương đang lên kế hoạch mua vào kho dự trữ nhằm hỗ trợ giá heo. Để chờ thêm những diễn biến tiếp theo của thị trường và kế hoạch mua vào của các tỉnh, các công ty và trại dân đều có động thái giảm nhịp bán heo ra khiến mặt bằng giá tuần qua ít có điều chỉnh. Giá heo hơi Trung Quốc bình quân tuần này đạt quanh 12,6 tệ/kg, tương đương 46.000 đồng/kg, không thay đổi nhiều so với bình quân tuần trước. Tại miền Nam Trung Quốc, giá heo cũng không có nhiều điều chỉnh khi thiết lập quanh vùng 12,8-13,7 tệ/kg ở ngày cận cuối tuần này, tương đương 46-49.000 đồng/kg, tương đương so với 1 tuần trước đó.

- Mặc dù có phiên tăng nhẹ vào giữa tuần, tuy nhiên nhìn chung giá heo hơi các kỳ hạn vẫn giữ xu hướng giảm trong tuần qua. Bất chấp thông tin đàn heo nái đang được cắt giảm, giá heo hơi kỳ hạn tại sàn Đại Liên vẫn ghi nhận xu hướng giảm trong tuần qua trước áp lực tăng mạnh của giá nguyên liệu đầu vào TACN trên thế giới.

Hình 6. Diễn biến giá heo hơi tại Quảng Đông và Quảng Tây năm 2020 - tuần 04/02/2022 (đồng/kg)



Hình 7. Diễn biến giá hợp đồng heo hơi các kỳ hạn tại sàn DCE – tính tới 24/02/2022(đồng/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Diễn biến giá heo giống

- **Giá heo con Trung Quốc có chiều hướng tăng nhẹ ở tuần này.** Theo đà tăng của giá nguyên liệu TACN các loại, giá heo con Trung Quốc điều chỉnh tăng nhẹ ở tuần này trong bối cảnh các nhà máy sản xuất TACN điều chỉnh giá cám thành phẩm tăng từ 75-300 tệ/tấn. Bình quân tuần này, giá heo con 7kg dao động quanh 24.2 tệ/kg, tương đương gần 610.000 đồng/con.

Bảng 12. Bảng giá giao dịch heo giống tại Trung Quốc (tệ/kg ~ đồng/kg, đồng/con)

Khu vực	Tuần này	Biến động giá 1 tuần	Biến động giá 1 tháng	Biến động giá 1 năm	Quy đổi VND/kg	Quy đổi VND/con*
Vùng Đông Bắc	23.73	▲0.55	▲0.81	▼62.01	86,000	602,000
Miền Bắc	23.82	▲0.23	▲0.16	▼67.89	86,000	602,000
Miền Đông	24.79	—0.00	▼0.17	▼68.35	89,000	623,000
Miền Trung	24.60	▼0.10	▼0.59	▼68.13	89,000	623,000
Miền Nam	23.94	▼0.66	▼1.88	▼68.10	86,000	602,000
Vùng Tây Nam	25.17	▲0.13	▲0.11	▼65.73	91,000	637,000
Vùng Tây Bắc	21.69	▲0.20	▲0.26	▼67.41	78,000	546,000
Giá trung bình cả nước	24.17	▲0.07	▼0.12	▼66.88	87,000	609,000

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: * ước tính với heo giống biểu 7kg/con)

1.2.2. Thái Lan và Campuchia

Sản xuất – Tiêu thụ

- **Tiêu thụ thịt heo Thái Lan có chiều hướng giảm nhẹ trong năm 2022.** Theo ước tính của Hiệp hội Chăn nuôi Thái Lan, tiêu thụ thịt heo nước này trong năm 2022 dự kiến giảm nhẹ 0,89% so với năm 2021 với 1,27 triệu tấn do đàn heo trong nước ước tính giảm còn 18,58 triệu con khiến giá heo có xu hướng tăng lên, làm giảm nhẹ nhu cầu tiêu thụ.

Diễn biến giá heo hơi

- **Giá heo Thái Lan tiếp tục điều chỉnh giảm vào tuần này.** Do sức tiêu thụ trên thị trường tương đối yếu khiến mặt bằng giá heo hơi Thái Lan ghi nhận xu hướng giảm thêm trong tuần qua, đặc biệt là tại các tỉnh miền Trung với mức giảm tới trên 10 baht/kg kéo giá bình quân cả nước xuống quanh 88 baht/kg kể từ giữa tuần, tương đương 63.000 đồng/kg.

Hình 8. Diễn biến giá heo hơi Thái Lan từ 01/01/2021-24/02/2022 (đồng/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

- **Giá heo hơi Campuchia có chiều hướng giảm nhẹ vào cuối tuần này.** Vẫn chịu ảnh hưởng lan tỏa từ đà đi xuống của giá heo Thái Lan và Việt Nam, giá heo hơi Campuchia có chiều hướng giảm nhẹ ở cuối tuần này khi để mất mốc 13,000 Riel/kg, về tương đương 72,000 đồng/kg.

Bảng 13. Bảng giá heo hơi tại Campuchia trong tuần qua (Riel/kg ~ đồng/kg)

Ngày	KHR/kg	Biến động giá 1 ngày	Biến động giá 1 tuần	Biến động giá 1 tháng	Quy đổi VND/kg
18/02/2022	13,077	▲ 32	▲ 125	▲ 1,526	73,400
19/02/2022	13,065	▼ 12	▲ 173	▲ 1,482	73,400

20/02/2022	13,065	—0	▲109	▲1,442	73,300
21/02/2022	13,033	▼32	▲27	▲1,425	73,100
22/02/2022	13,033	—0	▼11	▲1,446	73,100
23/02/2022	12,910	▼123	▼70	▲1,342	72,400

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Diễn biến giá heo giống

- **Giá heo con Thái Lan giảm thêm 200 baht/con ở tuần này.** Ảnh hưởng từ xu hướng đi xuống của giá heo hơi, giá heo con Thái Lan tiếp tục giảm 200 baht/con tại tất cả các loại, đưa tổng mức giảm trong 1 tháng qua lên tới 1,000 baht/kg.

Bảng 14. Bảng giá giao dịch heo con tại Thái Lan (Baht/con ~ đồng/con)

Loại heo	Đơn vị	Tuần này	Biến động giá			Quy đổi VND/con
			1 tuần	1 tháng	1 năm	
<i>Dòng heo thông thường</i>						
5-6kg (3 tuần tuổi)	Baht/con	2,300	▼200	▼1,000	▲100	1,660,000
20-25kg (6 tuần tuổi)	Baht/con	2,700 (+/- 80)	▼200	▼1,000	▲100	1,950,000
<i>Dòng heo miễn nhiễm với Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp</i>						
5-6kg (3 tuần tuổi)	Baht/con	2,400	▼200	▼1,000	▲100	1,740,000
20-25kg (6 tuần tuổi)	Baht/con	2,800 (+/- 80)	▼200	▼1,000	▲100	2,030,000

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.2.3. Mỹ và Brazil

Sản xuất – Tiêu thụ

- **Sản lượng thịt heo Mỹ có chiều hướng giảm so với năm trước.** Trong tuần kết thúc 19/02, ước tính có trên 2,5 triệu con heo Mỹ được đưa vào giết mổ, đưa tổng lượng giết mổ kể từ đầu năm tới ngày 19/02 đạt trên 17,3 triệu con, giảm 8,3% so với cùng kỳ năm trước do nguồn cung heo Mỹ có chiều hướng thắt chặt hơn. Theo đó, sản lượng thịt heo Mỹ sản xuất trong năm 2022 tới ngày 19/02 cũng ghi nhận mức giảm tới 8,4% so với cùng kỳ năm trước với gần 1,72 triệu tấn.

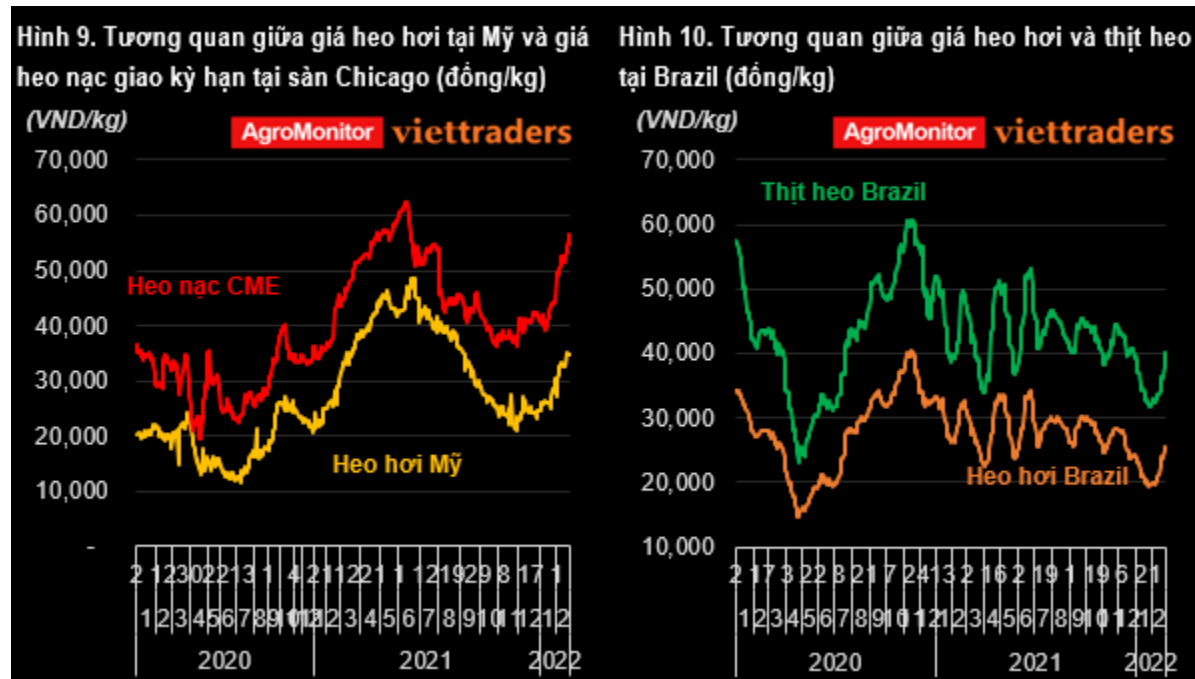
Thương mại

- **Lượng thịt heo Mỹ xuất khẩu và bán mới trong tuần kết thúc 10/02 tăng nhẹ so với tuần trước đó.** Theo dữ liệu công bố từ Bộ NN Mỹ, trong tuần kết thúc 10/02 lượng thịt heo Mỹ bán mới tăng nhẹ 1% so với tuần trước đó với trên 18.300 tấn do lượng mua mới từ Hàn Quốc và Nhật Bản tăng mạnh bù đắp cho lượng giảm mua từ Mexico. Tại kênh xuất khẩu, lượng thịt heo Mỹ rời cảng trong tuần kể trên đạt trên 31.000 tấn, cũng tăng 2% so với tuần trước

đó, đưa tổng lượng thịt heo Mỹ bán cho các thị trường trong năm 2022 đến ngày 10/02 đạt gần 394,7 nghìn tấn, giảm 32% so với lũy kế cùng kỳ năm 2021.

Diễn biến giá.

- Giá heo Mỹ ít biến động trong khi giá heo nạc tại sàn Chicago ghi nhận đà tăng liên tiếp trong vòng 7 phiên. Do công suất của các cơ sở giết mổ heo dần ổn định trở lại khiến giá heo hơi tại Mỹ cũng đã tăng gây nên bởi áp lực nguồn cung thắt chặt trước đó, trong khi đó tại sàn Chicago giá heo nạc các kỳ hạn lại ghi nhận đà tăng mạnh kể từ phiên giao dịch cuối tuần trước do ảnh hưởng lan tỏa từ đà đi lên của thị trường nông sản Mỹ cùng với việc sản lượng thịt heo sản xuất trong gần 2 tháng nay tại Mỹ thấp hơn đáng kể so với mức cùng kỳ năm trước.



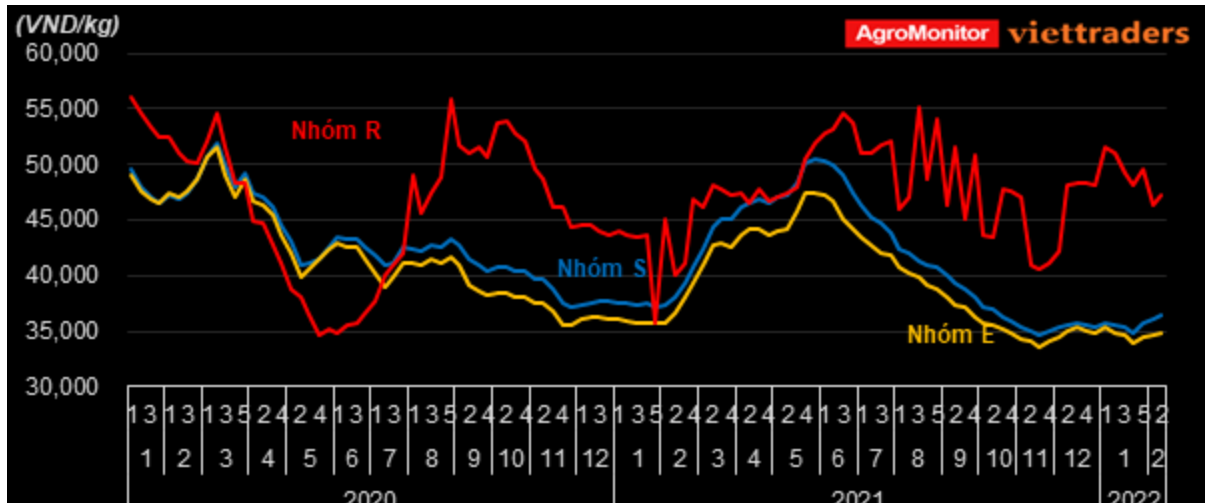
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.2.4. Thị trường heo các nước khác

EU

Diễn biến giá

Hình 11. Diễn biến giá thân thịt heo các loại tại EU – tính tới tuần 7/2022 (đồng/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

(Ghi chú: Thân thịt heo loại S có độ nạc >60%; loại E độ nạc từ 55-60% và loại R có độ nạc từ 45-50%)

1.3. TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chỉ tiêu	Diễn giải
Thị trường Việt Nam	
Thông tin thị trường/Giao dịch heo hơi	<p>+ Heo bán chạy dịch tại miền Bắc có chiều hướng ít hơn, ở cả trại công ty lẫn trại dân, cùng quy định rút ngắn thời gian cách ly đối với F1 khi đã tiêm đủ 2 mũi vắc xin và thời tiết miền Bắc có nắng ấm trở lại kể từ cuối tuần này sẽ giúp cho thị trường heo miền Bắc không điều chỉnh giảm thêm trong thời gian tới. Với thời gian dài hơn, nguồn cung heo của các công ty lớn trong tháng 3 và tháng 4 dự kiến sẽ không nhiều do ảnh hưởng của đợt bán chạy dịch hồi tháng 1 và đầu tháng 2 vừa qua có thể hỗ trợ cho giá heo miền Bắc bật tăng khá trở lại.</p> <p>+ Tại miền Nam, mặc dù áp lực heo biểu to tăng lên nhưng các công ty khu vực này sẽ điều chỉnh giá thận trọng hơn, để đón nhu cầu tiêu thụ tăng lên từ đầu tháng 3 dương lịch.</p>
Thị trường thế giới	
Giao dịch heo hơi	<p>+ Thị trường heo Trung Quốc vẫn thiếu vắng trợ lực hỗ trợ cho sự đi lên của giá heo hơi. Mặc dù đàn heo Trung Quốc có chiều hướng giảm nhẹ nhưng dữ liệu cho thấy mức này vẫn cao hơn đáng kể so bình thường, là trở ngại lớn đối với sự hồi phục của giá heo hơi trong bối cảnh Thế vận hội mùa Đông đã kết thúc cùng với việc dịch Covid 19 vẫn lai rai nỗ bình quân 1-200 ca/ngày khiến sức tiêu thụ trên thị trường yếu hơn. Tuy nhiên, một điểm sáng ở phía cầu giúp giá heo hơi Trung Quốc có thể giữ được mức hiện tại hoặc nhích nhẹ quanh vùng 12,5-13 tệ/kg là nhờ động thái cân nhắc mua thịt heo vào dự trữ của các địa phương khi giá nguyên liệu TACN tại Trung Quốc và trên thế giới</p>

liên tiếp tăng cao khiến tỷ lệ giữa giá heo hơi thành phẩm và giá nguyên liệu đầu vào bị thu hẹp xuống mức gây thua lỗ cho người chăn nuôi.

Trong dài hạn: Nguồn cung heo Trung Quốc được kỳ vọng sẽ ổn định hơn kể từ giữa năm sau khi dữ liệu mới nhất từ Bộ Nông nghiệp cho thấy đàn heo đang được cắt giảm để phù hợp hơn với mức tiêu thụ.

+ **Đà tăng của giá heo hơi Thái Lan có thể sẽ có lại dù xu hướng giảm vẫn chiếm ưu thế trong giai đoạn gần đây.** Với đà giảm hiện tại, giá heo hơi tại nhiều khu vực của Thái Lan đã về mức thấp hơn so với chi chăn nuôi do trước đó ở giai đoạn cuối năm 2021–đầu năm 2022 giá heo con bị đẩy tăng phi mã cùng với việc giá nguyên liệu đầu vào TACN đạt cao. Do vậy, dù sức tiêu thụ trên thị trường có chiều hướng giảm do giá thịt heo tăng nhanh nhưng đường biểu diễn giá heo hơi Thái Lan vẫn có một sức bật khá tốt, và có thể sẽ bật tăng trở lại ngay khi sức tiêu thụ trên thị trường cải thiện hơn trước thêm Lễ hội Songkran đón năm mới trong hơn 1 tháng tới.

B. THỊ TRƯỜNG TRÂU/BÒ

2.1. THƯƠNG MẠI

2.1.1. Nhập khẩu trâu bò sống

- **Kim ngạch nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam trong 22 ngày đầu tháng 2/2022 tăng 20% so với cùng kỳ tháng trước.** Theo số liệu thống kê sơ bộ, tổng giá trị nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam trong 22 ngày đầu tháng 2/2022 đạt trên 10.49 triệu USD, mặt dù giảm mạnh so với mức 45.9 triệu USD cùng kỳ năm trước nhưng vẫn tăng tới trên 20% so với cùng kỳ tháng trước.

- **Xét về lượng, trong tuần 16/02-22/02, có gần 2,200 con trâu/bò từ Úc và Thái Lan được nhập khẩu về Việt Nam.** Theo số liệu thống kê, trong tuần kể trên có trên 1,200 con trâu/bò thịt được nhập về từ Thái Lan thông qua cửa khẩu Cha Lo (Quảng Bình) và cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị), đưa tổng lượng trâu/bò sống nhập về từ thị trường này trong năm 2022 tới ngày 22/02 đạt gần 14,200 con, chiếm 75% thị phần. Bên cạnh đó, trong tuần cũng có trên 900 con bò thịt từ Úc được nhập về thông qua cảng cá Hạ Long với đơn giá bình quân 2,300 USD/con.

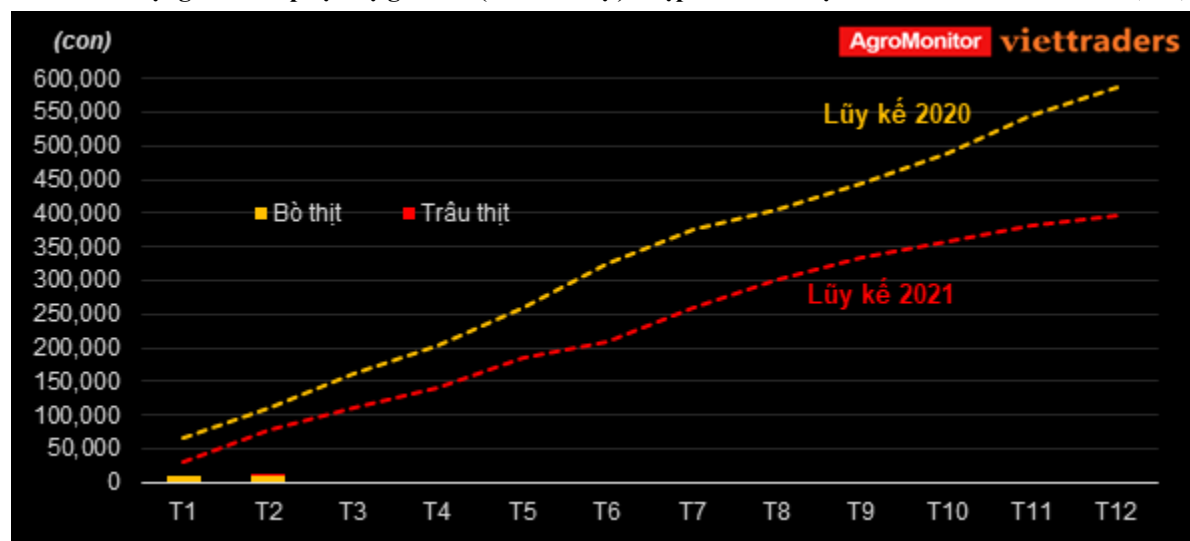
Bảng 15. Lượng bò giống nhập khẩu về Việt Nam theo chủng loại (con)

Năm	2020	2021					2022
		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tổng	Tháng 1*
Bò cái	8,164	-	4,337	6,774	3,322	14,433	-
Bò đực	30	5	-	-	4	9	-
Bò sữa	4,618	4,289	-	-	-	4,289	1,735

Tổng	12,812	4,294	4,337	6,774	3,326	18,731	1,735
------	--------	-------	-------	-------	-------	--------	-------

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: * số liệu sơ bộ)

Hình 12. Lượng trâu/bò phục vụ giết mổ (trâu/bò thịt) nhập khẩu về Việt Nam từ 2020-22/02/2022 (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

2.1.2. Nhập khẩu thịt trâu/bò đã qua giết mổ

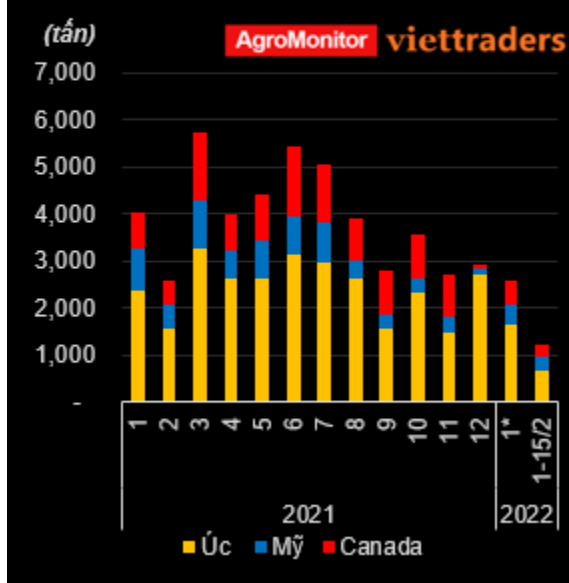
Bảng 16. Lượng thịt và phụ phẩm từ trâu/bò nhập khẩu về Việt Nam từ 2020 – 15/02/2022 (tấn)

Năm	Tháng	Thịt và phụ phẩm từ bò	Thịt và phụ phẩm từ trâu	Tổng
2020	1	3,103.1	7,218.7	10,321.8
	2	3,468.5	8,852.2	12,320.7
	3	3,530.3	5,670.6	9,201.0
	4	2,739.6	3,878.7	6,618.3
	5	3,266.5	2,881.3	6,147.7
	6	3,151.1	5,050.2	8,201.2
	7	3,758.0	7,130.1	10,888.1
	8	3,947.5	9,846.8	13,794.3
	9	4,522.3	9,781.9	14,304.2
	10	4,741.0	6,670.9	11,411.9
	11	5,393.6	5,426.4	10,820.0
	12	6,234.5	6,005.4	12,239.8
	Tổng	47,856.2	78,412.9	126,269.0
2021	1	4,642.2	11,548.3	16,190.5
	2	3,007.4	10,765.2	13,772.6
	3	6,515.0	11,144.7	17,659.7
	4	5,006.6	10,100.8	15,107.4
	5	6,018.9	9,841.9	15,860.8
	6	6,747.7	9,882.3	16,629.9

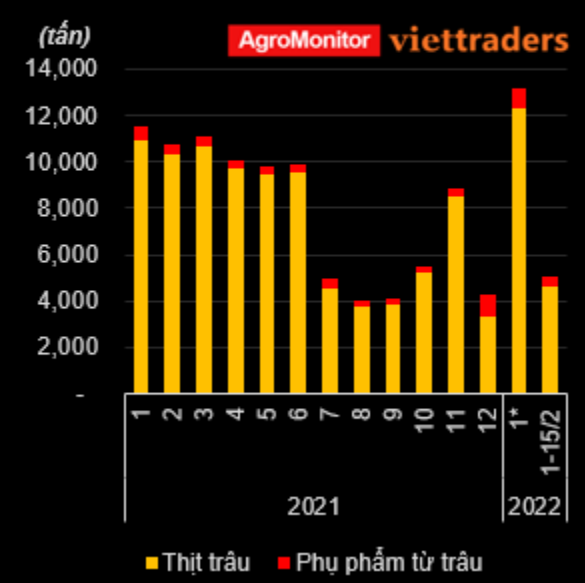
	7	6,099.8	5,012.1	11,111.9
	8	4,492.8	4,119.5	8,612.3
	9	3,427.2	4,205.3	7,632.5
	10	4,264.7	5,476.7	9,741.4
	11	3,258.7	8,979.4	12,238.1
	12	3,848.2	4,338.1	8,186.3
	Tổng	57,328.9	95,414.4	152,743.3
2022	1*	3,297.4	13,158.6	16,455.9
	01-15/2	1,381.3	5,040.7	6,422.0
	Tổng	4,678.7	18,199.3	22,878.0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: * số liệu sơ bộ)

Hình 13. Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ bò nhập khẩu về Việt Nam từ Úc, Mỹ và Canada năm 2021-2022 (tấn)



Hình 14. Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ trâu nhập khẩu về Việt Nam từ Ấn Độ trong năm 2021-2022 (tấn)



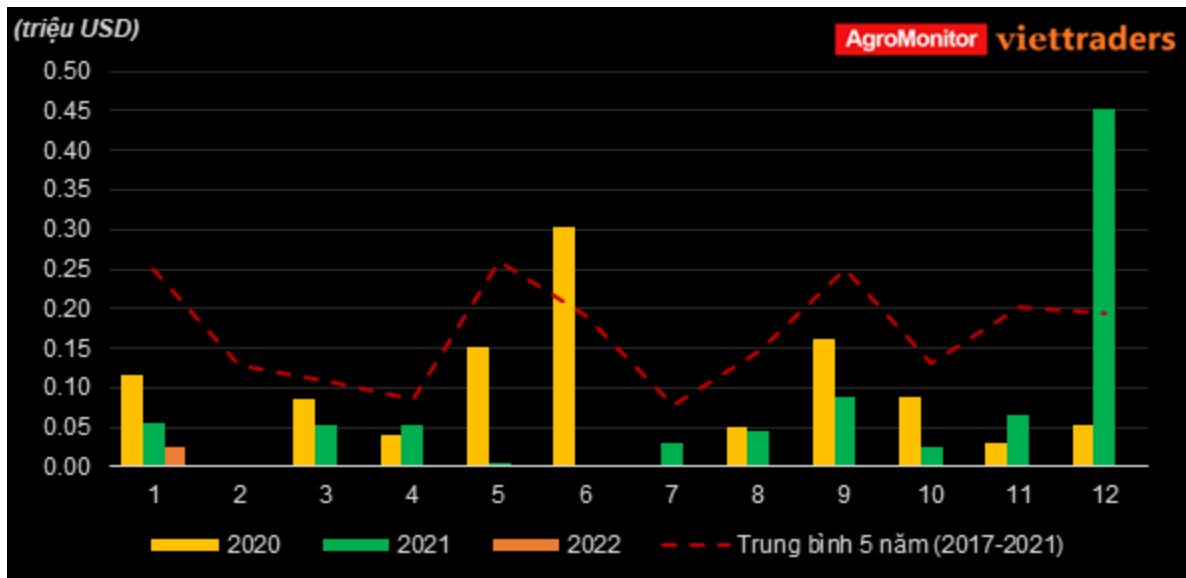
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: * số liệu sơ bộ)

2.1.3. Xuất khẩu thịt trâu/bò

Thịt trâu/bò

- Kim ngạch xuất khẩu thịt trâu/bò của Việt Nam trong tháng 1/2022 giảm mạnh so với tháng trước. Trong tháng, Cam-pu-chia tiếp tục là thị trường nhập khẩu chính thịt trâu/bò từ Việt Nam với trên 25 nghìn USD, giảm mạnh 94% so với tháng trước và giảm trên 50% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 15. Kim ngạch xuất khẩu thịt trâu/bò đã qua giết mổ của Việt Nam năm 2020-2022 (triệu USD)

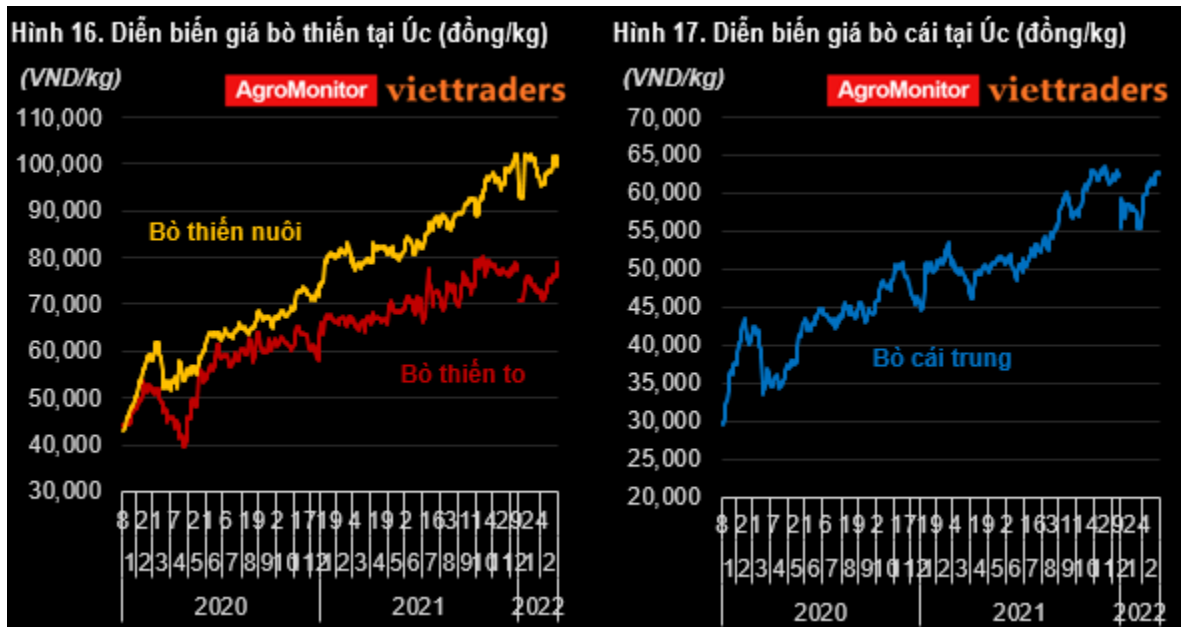


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

2.2. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

2.2.1. Úc

Diễn biến giá



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

(Ghi chú: Bò thiến to: 500-600kg; Bò thiến nuôi vỗ béo: 330-400kg; Bò cái trung: 400-520kg)

2.2.2. Mỹ

Diễn biến giá

Hình 18. Diễn biến giao dịch trâu/bò sống tại sàn CME (đồng/kg)



Hình 19. Diễn biến giao dịch trâu/bò vỗ béo tại sàn CME (đồng/kg)

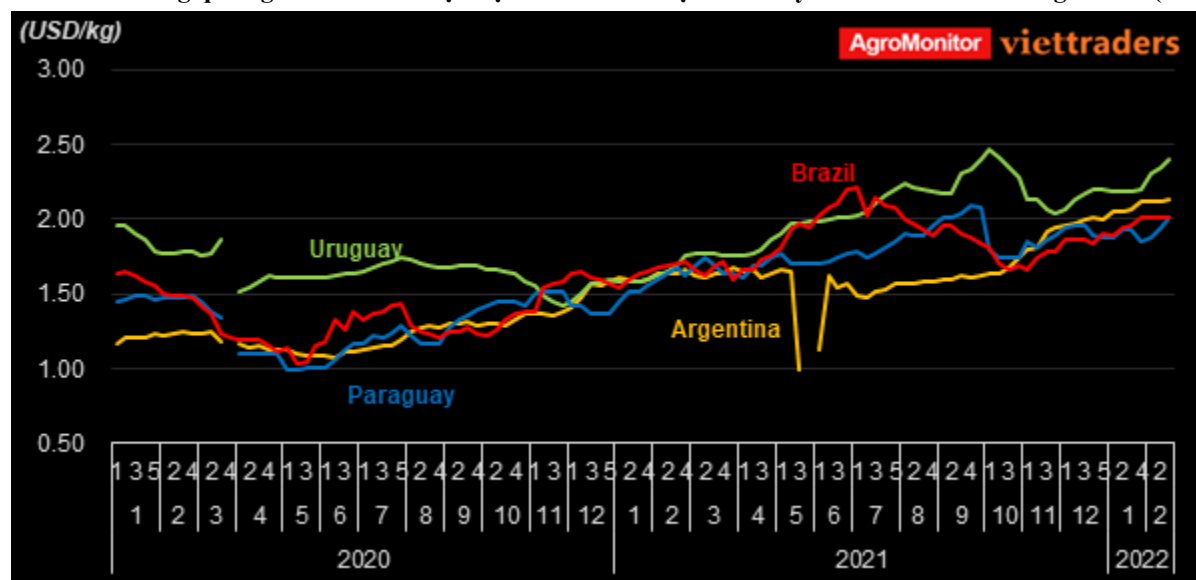


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

2.2.3. Các nước Nam Mỹ

Diễn biến giá

Hình 20. Tương quan giá trâu/bò hơi tại một số nước khu vực Nam Mỹ từ 2020 – tuần 3 tháng 2/2022 (USD/kg)



Nguồn: Hiệp hội các nhà xuất khẩu thịt Argentina

C. PHỤ LỤC

1. Thị trường heo

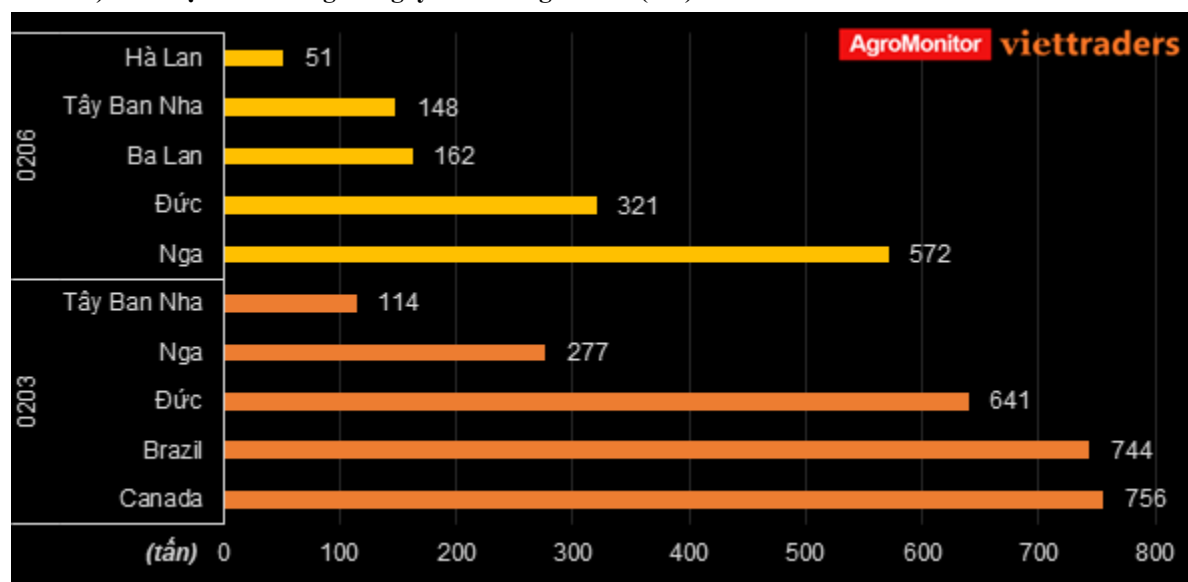
Thương mại thịt heo của Việt Nam

Bảng 17. Lượng nhập khẩu thịt và phụ phẩm từ heo theo cảng/cửa khẩu thuộc các miền năm 2020-15/02/2022 (tấn)

Năm	2020	2021	2022		
			Tháng 1*	01-15/2	Tổng
<i>Thịt heo (mã HS 0203)</i>					
Miền Bắc	44,051.6	61,542.8	4,037.9	698.2	4,736.0
Miền Trung	4,610.4	3,669.3	27.0	270.3	297.3
Miền Nam	90,606.2	102,066.0	6,294.8	1,644.9	7,939.7
Tổng	139,268.2	167,278.1	10,359.7	2,613.4	12,973.1
<i>Phụ phẩm từ heo (mã HS 0206)</i>					
Miền Bắc	44,960.6	58,717.0	3,688.4	668.9	4,357.3
Miền Trung	1,146.5	1,147.1	-	54.1	54.1
Miền Nam	46,220.5	63,319.8	2,357.7	624.8	2,982.5
Tổng	92,327.7	123,183.8	6,046.1	1,347.8	7,393.9

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 21. Top 5 thị trường cung ứng thịt heo (mã hs 0203) và Top 5 thị trường cung ứng phụ phẩm từ heo (mã hs 0206) cho Việt Nam trong 15 ngày đầu tháng 2/2022 (tấn)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 18. Top 5 doanh nghiệp nhập khẩu thịt và phụ phẩm từ heo lớn nhất về Việt Nam trong 15 ngày đầu tháng 2/2022 (tấn; %)

STT	Doanh nghiệp	Lượng (tấn)			Tỷ trọng (%)
		0203	0206	Tổng	
1	CT TNHH VTGNQT Cường Thủy	296.3	27.0	323.4	8.2
2	CT TNHH TM - DV Nhiều Lộc	186.5	106.1	292.5	7.4
3	CT CP TP Thiên Vương	79.7	195.5	275.2	6.9
4	CT TNHH MTV XNK TP Hạ Long	238.2	27.0	265.2	6.7
5	CT TNHH SX - TM TP Phú Tài	228.9	0.0	228.9	5.8
	<i>Khác</i>	1,583.8	992.2	2,576.0	65.0
	Tổng	2,613.4	1,347.8	3,961.2	100.0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Giá nguyên liệu TACN, giá cám heo và giá một số sản phẩm chăn nuôi chính của Trung Quốc

Bảng 19. Tham khảo giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc theo giám sát của Bộ Nông nghiệp, cập nhật tuần bắt đầu ngày 21/02/2022

Loại giá	tệ/kg	Biến động giá		Quy đổi VND/kg	Ghi chú
		1 tuần	1 năm		
<i>Thức ăn chăn nuôi</i>					
Ngô	2.87	—0	▼2.7%	10,400	- Giá ngô bình quân tại ba tỉnh Đông Bắc tại các <i>khu vực sản xuất</i> chính là 2.56 tệ/kg, tương đương so với tuần trước; - Giá ngô tại tỉnh Quảng Đông, <i>khu vực bán hàng chính</i> , là 3.04 tệ / kg, giảm 0.7% so với tuần trước.
Khô đậu tương	4.07	▲3.6%	▲3.0%	14,700	- Tăng liên tiếp trong 10 tuần, tiệm cận mức cao nhất kể từ 2017. Lần đầu tiên phá vỡ mốc 4 tệ/kg.
Cám heo	3.69	▲0.5%	▲2.2%	13,300	- Loại cám hỗn hợp dùng cho heo xuất chuồng
<i>Sản phẩm chăn nuôi</i>					
Thịt heo	24.80	▼4.1%	▼51.4%	89,600	- Mức thấp nhất trong vòng 17 tuần.
Thịt bò	88.41	▼0.6%	▼1.2%	319,500	- Giá thịt bò bình quân tại các tỉnh <i>sản xuất chính</i> như Hà Bắc, Liêu Ninh, Cát Lâm, Sơn Đông và Hà Nam là 79.61 tệ/kg, giảm 0.4% so với tuần trước.
Thịt cừu	85.10	▼0.7%	▼3.0%	307,500	- Giá thịt cừu bình quân tại các tỉnh <i>sản xuất chính</i> như Hà Bắc, Nội Mông, Sơn Đông, Hà Nam và Tân Cương là 79.27 tệ/kg, giảm 0.3% so với tuần trước.
Thịt gà	22.90	▼0.7%	▼2.4%	82,700	
Sữa bò	4.25	▼0.5%	▼0.7%	15,400	- Giá bình quân tại <i>10 tỉnh sản xuất</i> bò sữa lớn, bao gồm Nội Mông và Hà Bắc.

Trứng gà	10.42	▼2.8%	▲0.7%	37,700
----------	-------	-------	-------	--------

Ghi chú: * Giá sản phẩm chăn nuôi là giá bán tại các chợ đầu mối

* Giá quy đổi VND/kg ước tính với tỷ giá tại thời điểm thống kê

2. Thị trường Trâu/bò

Thương mại trâu/bò sống của Việt Nam

Bảng 20. Lượng trâu/bò sống phục vụ giết mổ (trâu/bò thịt) nhập khẩu về Việt Nam theo miền và một số cảng/cửa khẩu chính (con)

Năm	2020	2021	2022		
			1*	1-22/2	Tổng
Miền Bắc	120,984	74,195	-	3,042	3,042
Cảng Hải Phòng (Hải Phòng)	25,662	23,218	-	-	-
Cảng cá Hạ Long (Quảng Ninh)	73,816	24,400	-	3,042	3,042
Cảng Cái Lân (Quảng Ninh)	15,676	20,452	-	-	-
Miền Trung	386,260	277,589	8,365	5,832	14,197
Cửa khẩu Cha Lo (Quảng Bình)	227,020	191,125	6,340	4,290	10,630
Cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị)	57,677	33,597	2,025	1,542	3,567
Cảng Hòn La (Quảng Bình)	51,903	25,476	-	-	-
Miền Nam	80,569	42,574	-	-	-
Cảng QT SP-PSA (Vũng Tàu)	17,694	2,461	-	-	-
Cảng TH Thị Vải (Vũng Tàu)	51,070	40,113	-	-	-
Tổng	587,813	394,358	8,365	8,874	17,239

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: * số liệu sơ bộ)

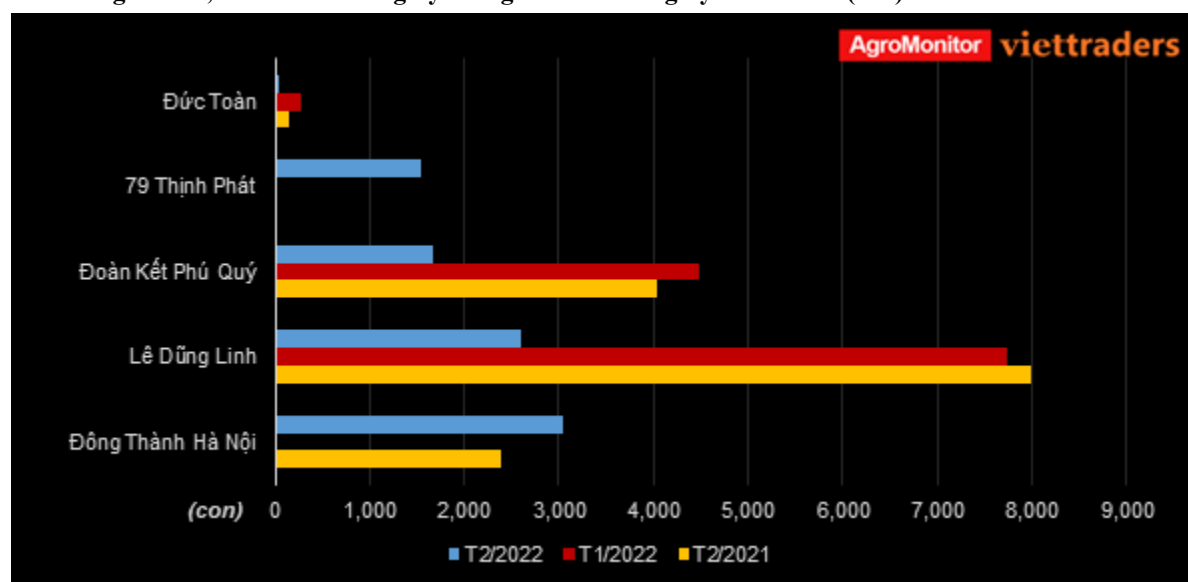
Bảng 21. Lượng trâu/bò sống phục vụ giết mổ (trâu/bò thịt) nhập khẩu về Việt Nam theo thị trường (Con)

Năm	Tháng	Úc	Lào	Thái Lan	Brazil	Tổng
2021	1	11,428		20,507		31,935
	2	25,772		19,734		45,506
	3	5,416		26,585		32,001
	4	3,156		27,877		31,033
	5	20,462		23,196		43,658
	6	20,007		5,396		25,403

	7	21,622	37	28,660		50,319
	8	28,383		12,710		41,093
	9	6,936		13,345	13,786	34,067
	10	1,580		22,691		24,271
	T11	8,032		13,250		21,282
	T12	2,747		10,771		13,518
	Tổng	153,066	37	224,722	13,786	394,358
2022	1*			8,365		8,365
	1-22/2	3,042		5,832		8,874
	Tổng	3,042	-	14,197	-	17,239

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: * số liệu sơ bộ)

Hình 22. Top 5 doanh nghiệp nhập khẩu trâu/bò sống phục vụ giết mổ (trâu/bò thịt) về Việt Nam trong 22 ngày đầu tháng 2/2022, so sánh với cùng kỳ tháng trước và cùng kỳ năm trước (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thương mại thịt trâu/bò của Việt Nam

Bảng 22. Lượng thịt trâu/bò nhập về qua cảng/cửa khẩu thuộc các miền theo tuần (Tấn)

Chủng loại	Khu vực	19/01 – 25/01	26/01 – 01/02	02/02 – 08/02	09/02 – 15/02
Thịt bò	Miền Bắc	570.5	174.8	196.8	300.3
	Miền Trung	-	-	-	-
	Miền Nam	130.9	53.1	134.0	425.7
Thịt trâu	Miền Bắc	1,051.1	494.0	224.0	1,282.1
	Miền Trung	-	-	-	-
	Miền Nam	1,135.9	304.3	1,210.0	1,909.7
Tổng		2,888.4	1,026.1	1,764.9	3,945.8

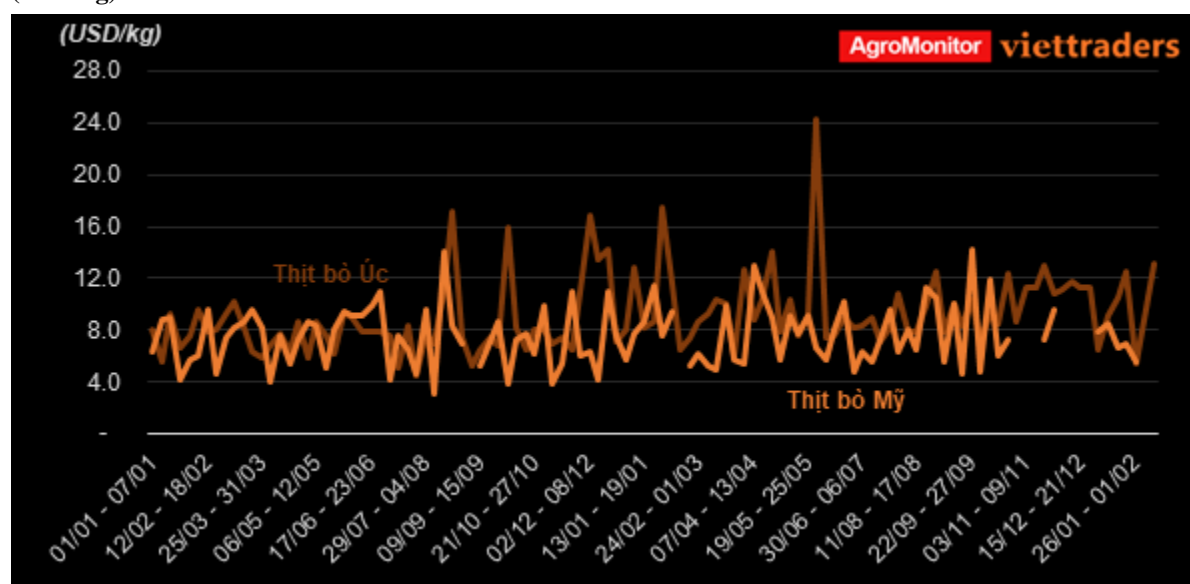
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 23. Top 5 doanh nghiệp nhập khẩu thịt trâu/bò về Việt Nam trong 15 ngày đầu tháng 2/2022 (tấn)

STT	Doanh nghiệp	Tổng lượng (tấn)	TT so với cùng kỳ tháng trước (%)	Lượng thịt bò (tấn)	Lượng thịt trâu (tấn)
1	CT TNHH DV XNK Kim Sơn	528.0	▼129.5	-	281.2
2	CT TNHH SX - TM TP Phú Tài	412.0	▲46.7	75.0	364.0
3	CT TNHH ĐT Kiba	313.4	▲93.9	-	285.0
4	CT CP Nam Thái Sơn	238.0	▲110.0	-	476.8
5	CT CP XNK Thiên Á	221.9	▲26.8	189.3	-
	Khác	3,997.4	▼339.2	792.5	3,246.8
	Tổng	5,710.6	▼39.9	1,056.8	4,653.8

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 23. Diễn biến giá nhập khẩu Thịt bò Úc và Thịt bò Mỹ về Việt Nam theo tuần tính đến ngày 15/02/2022 (USD/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: số liệu lấy theo ĐKGH là CIF)

Thị trường Gia cầm tuần (18/2/2022-24/2/2022)

14:58 25/02/2022

viettraders

CÁC DIỄN BIẾN QUAN TRỌNG CỦA THỊ TRƯỜNG TUẦN 18/02-24/02/2022

NỘI ĐỊA	
Gà trắng	- Nguồn cung chưa hồi phục hỗ trợ giá gà trắng tại miền Bắc đảo chiều tăng lại tuy nhiên do tiêu thụ không có nhiều cải thiện khiến biên độ tăng khá chậm, phổ biến 27-29.000 đồng/kg.

	<ul style="list-style-type: none"> - Tại miền Nam, giá giảm mạnh về 24-26.000 đồng/kg vào đầu tuần do cung tăng cao. Tuy nhiên giá đảo chiều tăng lại vào cuối tuần, đầu giá 28.000 đồng/kg nhờ tiêu thụ từ khu vực bếp ăn tập thể ổn định hơn. - Giá xăng dầu gần đây tăng mạnh kéo chi phí vận chuyển tăng theo, chưa tạo được mức chênh lệch hấp dẫn cho cánh thương lái khiến lượng gà trắng từ miền Nam đi Cam nhỏ giọt, chỉ khoảng 2-3.000 con/ngày.
Gà màu	<ul style="list-style-type: none"> - Tại miền Bắc, nguồn cung gà màu chưa thực dồi dào tuy nhiên do tiêu thụ của thị trường khá yếu khiến giá gà màu đồng loạt giảm vào cuối tuần trước, xuống còn 41-43.000 đồng/kg với gà ta lai CP và 50-53.000 đồng/kg với gà nuôi trên 4 tháng tuổi. - Tại miền Nam, giá gà ta lai đi ngang 47-48.000 đồng/kg, tiêu thụ gà màu tương đối ổn định.
Vịt thịt	<ul style="list-style-type: none"> - Tại miền Bắc, giá vịt thịt bán tại trại giảm liên tục trong tuần qua do tiêu thụ còn yếu, giao dịch còn 28-29.000 đồng/kg. - Tại miền Nam, tiêu thụ tương đối ổn định nhưng do lượng vịt đủ biểu xuất chuồng tăng cao khiến cung vượt cầu, giá cũng có xu hướng giảm thêm, xuống còn 33-37.000 đồng/kg. - Giá gà màu tại miền Nam, Việt Nam ở mức cao trong khi chi phí vận chuyển tăng mạnh khiến lượng gà màu từ khu vực này đưa sang Cam rất ít, ước tính khoảng 2.000 con/ngày.
Thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/02/2022-22/02/2022, lượng gà trắng giống bố mẹ hướng thịt nhập khẩu về Việt Nam đạt trên 154 nghìn con, bất ngờ tăng mạnh 21.0% so với cùng kì tháng trước - Lũy kế từ đầu năm nay đến 15/02/2022, lượng thịt gia cầm nhập khẩu về về Việt Nam ước đạt gần 19.5 nghìn tấn, giảm 17.9% so với cùng kì năm trước
THẾ GIỚI	
Trung Quốc	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn cung dần vẫn hơn tuy nhiên sức mua ở các chợ đầu mối chưa thực khởi sắc khiến biên độ giá gà thịt tăng chậm, lên quanh mức 7,98 tệ/kg-tương đương 28.900 đồng/kg - Nhu cầu vào đàn vẫn tương đối chậm khiến giá gà trắng giống vẫn dao động ở mức thấp, chỉ đạt ngưỡng 1,01 tệ/con-tương đương 3.600 đồng/con vào giữa tuần - Ảnh hưởng của giá gà lẫn giá heo liên tiếp giảm trong thời gian gần đây đã kìm hãm tiêu thụ thịt vịt kéo giá vịt quay đầu giảm lại trong nửa đầu tuần này, xuống mức 7,74 tệ/kg, tương đương 28.000 đồng/kg.

1.1. THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

1.1.1. Gà trắng

Nguồn cung chưa hồi phục hỗ trợ giá gà trắng tại miền Bắc đảo chiều tăng lại tuy nhiên do tiêu thụ không có nhiều cải thiện khiến biên độ tăng khá chậm.

Tại miền Bắc, thời tiết trong tuần này khô ráo và áp áp hơn trong khi nguồn cung nội vùng chưa hồi phục hỗ trợ giá một số công ty điều chỉnh tăng tuy nhiên biên độ tăng chậm do tiêu thụ của thị trường không có nhiều cải thiện đáng kể. Giao dịch phổ biến quanh mức 27-29.000 đồng/kg, giá hàng đầu nhích lên 29.500 đồng/kg với đàn nguyên trống biểu to 4 kg/con.

Tại miền Nam, giá gà trắng có những biến động tăng/giảm liên tục trong tuần qua. Nửa đầu tuần, giá giảm mạnh về 24-26.000 đồng/kg do nguồn cung đẩy ra thị trường tương đối nhiều. Cá biệt, có khu vực xuất hiện giá 23.000 đồng/kg áp dụng cho gà biểu nhỏ 2.2 kg/con do các trại phá đàn bán chạy sớm. Tuy nhiên, việc các trường mầm non và tiểu học trên địa bàn TP.HCM đã khởi động lại mô hình bán trú hỗ trợ tiêu thụ tốt hơn, giá đảo chiều tăng lại từ giữa tuần, lên phổ biến 26-27.000 đồng/kg, đầu giá lên ngưỡng 28.000 đồng/kg với biểu to 3.5-4 kg/con.

Tình hình đi Cam: Tại Campuchia, giá gà trắng hiện đang dao động từ 34-35.000 đồng/kg nhưng do giá xăng dầu gần đây tăng mạnh kéo chi phí vận chuyển tăng theo, chưa tạo được mức chênh lệch hấp dẫn cho cánh thương lái khiến lượng gà trắng đi Cam nhỏ giọt, chỉ khoảng 2-3.000 con/ngày.

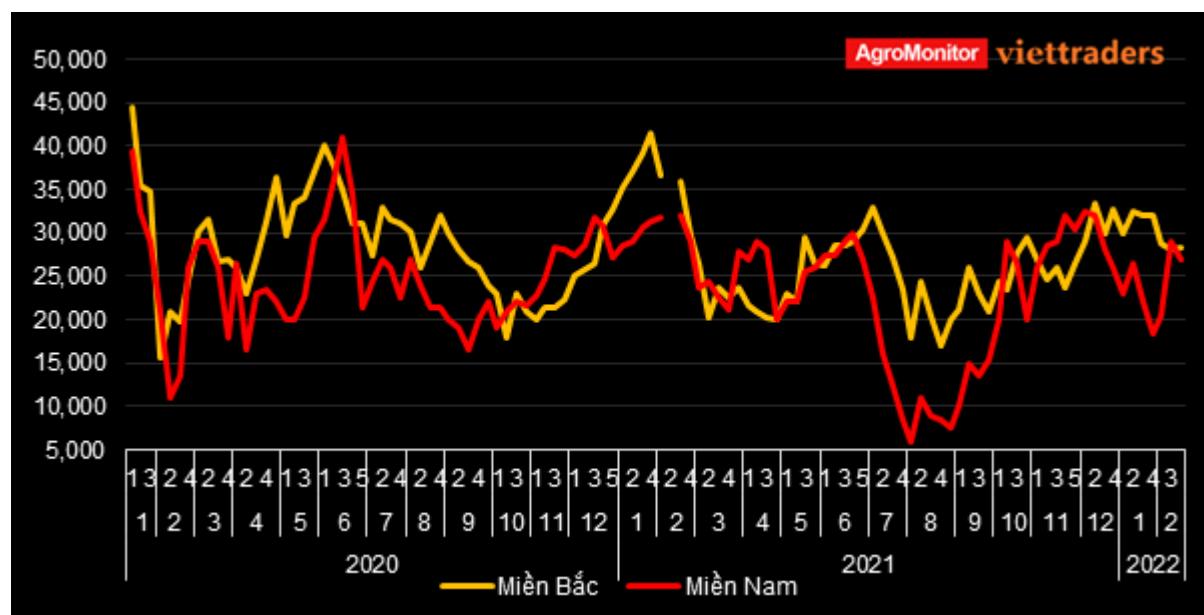
Giá ngô và lúa mỳ thế giới đồng loạt tăng mạnh trong phiên giao dịch từ hôm 23/2 khi căng thẳng Nga và Ucraina leo thang, đỉnh điểm là việc Nga bắn tên lửa về Ucraina vào ngày 24/02 theo giờ Việt Nam. Tại thị trường nội địa, giá ngô tăng mạnh, đạt xấp xỉ 9.000 đồng/kg, tiếp tục gây sức ép tới các hộ chăn nuôi gà.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	18/02	21/02	22/02	23/02	24/02	So với tuần trước	So với tháng trước	
Gà công ty	Miền Bắc	27.000-29.000	27.000-29.000	27.000-29.000	27.000-29.500	27.000-29.500	500	2.000-3.000	
	Miền Nam	29.000	25.000-27.000	25.000-27.000	25.000-27.000	26.000-28.000	1.000-2.000	1.000	
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>								
	Thái Nguyên	26.000-28.000	26.000-28.000	26.000-28.000	27.000-29.000	27.000-29.000	1.000-2.000	1.000	
	Vĩnh Phúc	27.000-28.000	27.000-28.000	27.000-28.000	27.000-29.000	27.000-29.000	1.000	2.000	
	Hà Nội	27.000-29.000	27.000-29.000	27.000-29.000	27.000-29.000	27.000-29.000	0	2.000	
	<i>Miền Nam</i>								
	Bình Dương	29.000	24.000-27.000	24.000-27.000	24.000-28.000	26.000-28.000	1.000-3.000	1.000	
Bình Phước	29.000	24.000-27.000	24.000-27.000	24.000-27.000	26.000-27.000	2.000-3.000	0		

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 1. Diễn biến giá gà trắng công ty tại miền Bắc và miền Nam từ 1/2020- Tuần 4/2/2022 (đồng/kg)



Nguồn: CSDL AgroMonitor

Giá gà giống DOC

Tại miền Bắc, giá giống ăn cám công ty lẫn bán ngoài giữ ổn định quanh mức 7.5-9.000 đồng/con. Lực tái đàn từ giữa tuần trước sang đến đầu tuần này chậm hơn do thời tiết ngoài Bắc đón đợt rét sâu tuy nhiên nguồn cung giống không dư thừa hỗ trợ giá đi ngang.

Tại miền Nam, giá giống tiếp tục chững lại quanh mức 7-9.000 đồng/con, tùy loại tùy lượng bắt. Nhu cầu tái đàn mới tại Nam Bộ tương đối ổn định hỗ trợ giá bình ổn hơn so với ngoài Bắc.

Bảng 2. Bảng giá gà giống DOC (đồng/con)

Loại con giống	18/02	21/02	22/02	23/02	24/02	So với tuần trước	So với tháng trước	So với năm trước
DOC- miền Bắc								
Bán ngoài	8.000-9.000	8.000-9.000	8.000-9.000	8.000-9.000	8.000-9.000	0	1.000	4.000-5.000
Ăn cám công ty	7.500-8.000	7.500-8.000	7.500-8.000	7.500-8.000	7.500-8.000	0	500	500-1.000
DOC-miền Nam								
Bán ngoài	8.000-9.000	8.000-9.000	8.000-9.000	8.000-9.000	8.000-9.000	0	0	2.000-3.000

Ăn cám công ty	7.500-8.000	7.500-8.000	7.500-8.000	7.500-8.000	7.500-8.000	0	0	1.000
----------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	---	---	-------

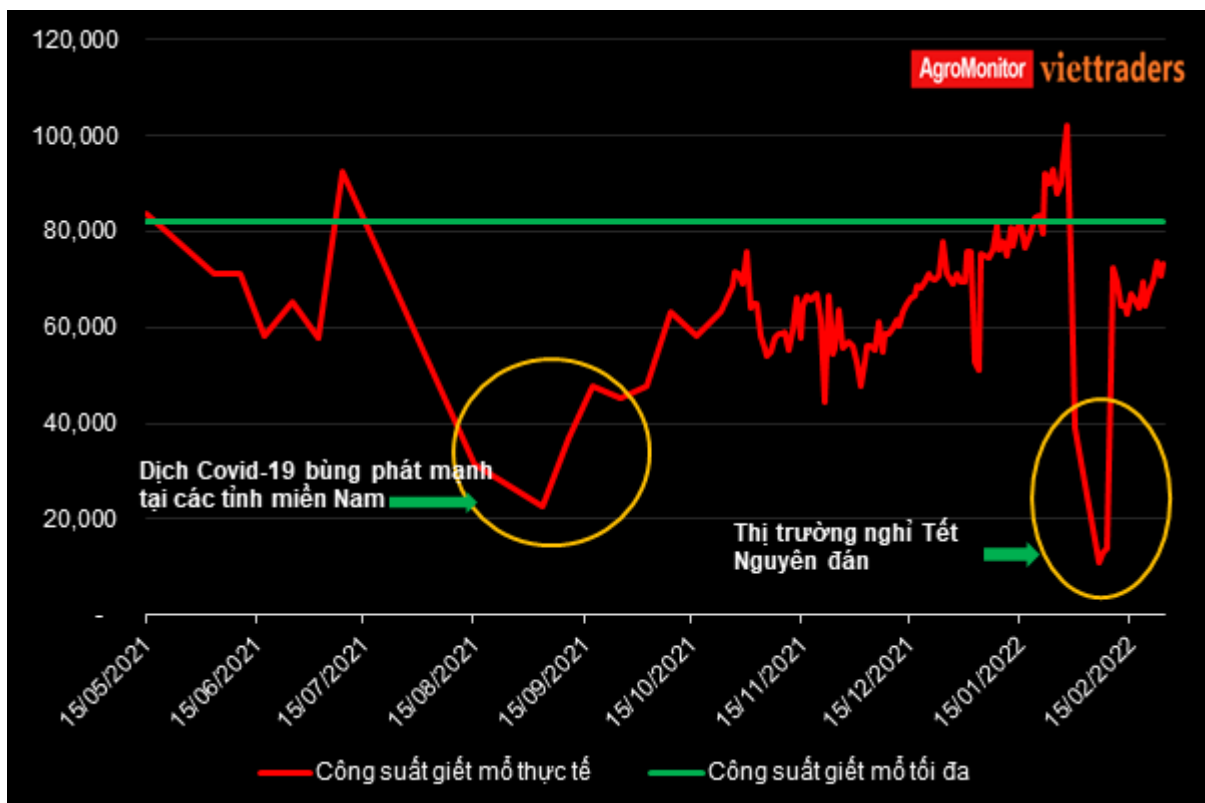
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

- Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm bình quân đưa vào giết mổ trong tuần thứ 4 của tháng này đạt gần 72.000 con/ngày, tăng nhẹ 9% so với tuần trước đó nhờ tiêu thụ từ khu vực bếp ăn tập thể ổn định hơn.

Bảng 3. Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn trong tuần 4 tháng 2 (con/ngày)

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	21/02	22/02	23/02	24/02
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	69,350	73,634	70,736	73,150

Hình 2. Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 4. Bảng giá trứng gà công ty tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	Tuần này	Tuần trước
Miền Bắc	Mix03(>=21.3kg)	2100	2100
	Mix04(>=20.3kg)	2000	2000

(trứng gà CP)	Mix05(>=19.3kg)	1950	1950
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	2050	1950
	Loại 22.5kg	1950	1850
	Loại 21.5kg	1850	1750
	Loại 20.5kg	1800	1700
	Loại 19.5kg	1750	1650

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.1.2 Gà màu

Tại miền Bắc, nguồn cung gà màu chưa thực dồi dào tuy nhiên do tiêu thụ của thị trường khá yếu khiến giá gà màu đồng loạt giảm vào cuối tuần trước và giữ mức sau giảm đến hết tuần này.

Tại miền Bắc, nguồn cung gà màu chưa thực dồi dào, một số công ty khan hàng mái chọi tuy nhiên do tiêu thụ của thị trường khá yếu khiến giá gà màu đồng loạt giảm vào cuối tuần trước và giữ mức sau giảm đến hết tuần này. Với gà ta lai Cp, giá bán tại trại trên hóa đơn giữ mức 43-44.000 đồng/kg, nhưng sau khi trừ chiết khấu giao dịch thực tế chỉ được 41-43.000 đồng/kg. Tương tự, với gà nuôi trên 4 tháng tại các công ty lớn giá cũng giảm còn quanh 50-53.000 đồng/kg (Dabaco, Minh Dư, Japfa).

Tại miền Nam, giá gà ta lai đi ngang 47-48.000 đồng/kg, trong đó mức 47.000 đồng/kg phổ biến hơn, tiêu thụ gà màu tương đối ổn định.

Tình hình đi Cam: giá gà màu tại miền Nam, Việt Nam ở mức cao trong khi chi phí vận chuyển tăng mạnh khiến lượng gà màu từ khu vực này đưa sang Cam tiêu thụ rất ít, ước tính khoảng 2.000 con/ngày.

Với giao dịch con giống, giá lai mía lai hồ ngoài Bắc giữ ổn định ở mức 12-13.000 đồng/con do nguồn cung giống không có nhiều. Tại công ty Tiên Đạt, lực bán giống lai mía chậm chạp khiến công ty quay lại ấp nở giống lai chọi và bán với giá 12.000 đồng/con (mua xô).

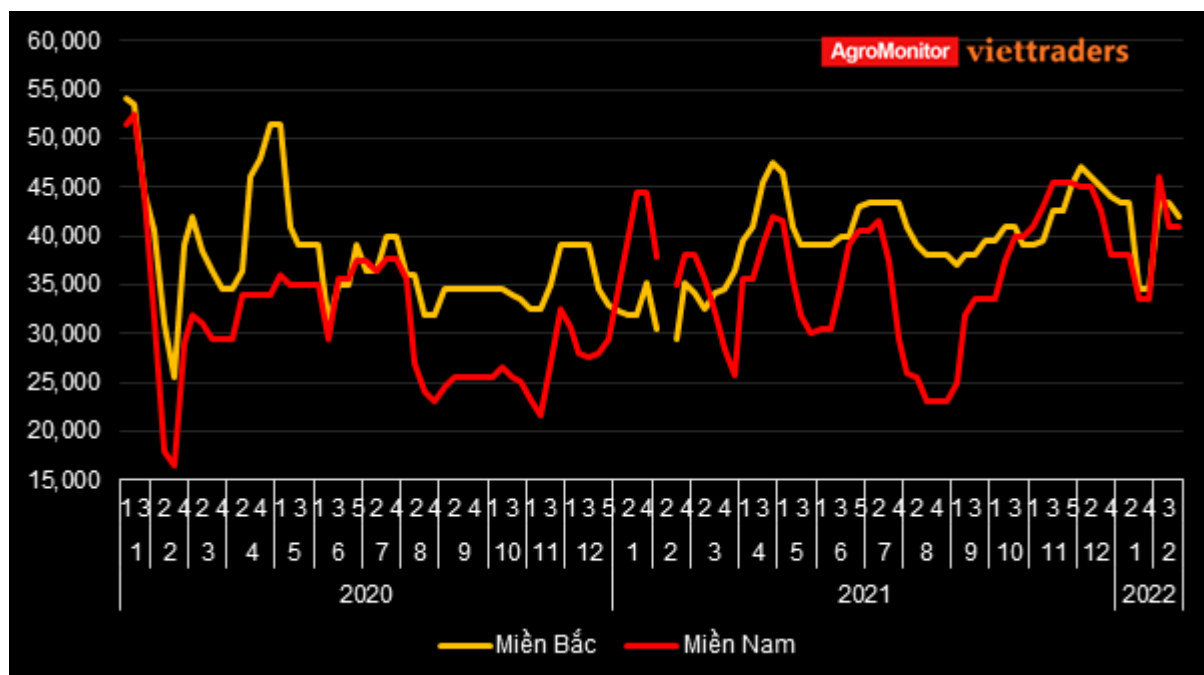
Bảng 5. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (VND/kg)

Khu vực	18/02	21/02	22/02	23/02	24/02	So với tuần trước	So với tháng trước	So với năm trước
Gà ta lai – miền Bắc	43.000-44.000	41.000-43.000	41.000-43.000	41.000-43.000	41.000-43.000	1.000-2.000	2.000-4.000	6.000-8.000
Gà ta lai CP – miền Trung	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	0	0	-
Gà ta lai – miền Nam	47.000-48.000	47.000-48.000	47.000-48.000	47.000-48.000	47.000-48.000	0	5.000	8.000-10.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc	50.000-54.000	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-52.000	2.000	1.000	7.000-8.000
Gà màu Dabaco – miền Nam	45.000-50.000	45.000-50.000	45.000-50.000	45.000-50.000	45.000-50.000	0	2.000	4.000

Gà Minh Dư – miền Bắc	53.000-55.000	50.000-53.000	50.000-53.000	50.000-53.000	50.000-53.000	2.000-3.000	2.000-3.000	8.000
Gà Minh Dư – miền Nam	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-52.000	0	5.000-8.000	1.000-2.000

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 3. Diễn biến giá gà màu công ty tại miền Bắc và miền Nam từ 1/2020- Tuần 4/2/2022 (đồng/kg)



Nguồn: CSDL AgroMonitor

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Vùng/miền	Tuần này	Tuần trước
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000	8.000
DOC-Minh Dư	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- Lai chọi Lai Vượng	8.000	8.000
DOC- Tiến Đạt	11.000-12.000	10.000-11.000
DOC- Lai mía	13.000-13.500	13.000-13.500
DOC- Lai Hồ	13.000-13.500	13.000-13.500

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 7. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Vùng/miền	Tuần này	Tuần trước
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000

DOC- Gà ta lai	5.000-6.000	5.000-6.000
----------------	-------------	-------------

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.1.3. Vịt hơi

Nguồn cung vịt giống tại miền Nam khan hơn trong khi nhu cầu vào đàn tăng cao nhằm xuất bán dịp Tết thanh minh đẩy giá vịt giống đảo chiều tăng lại.

Tại miền Bắc, giá vịt thịt bán tại trại giảm liên tục trong tuần qua do tiêu thụ còn yếu. Sau 2 lần điều chỉnh giảm, giao dịch còn 28-29.000 đồng/kg, với vùng giá này, người chăn nuôi đang chấp nhận thua lỗ 6-7.000 đồng/kg. Tuy nhiên, theo nhận định của thương nhân, giá vịt tại miền Bắc sẽ ngưng giảm thêm và có thể đảo chiều tăng lại do nguồn cung nội vùng vẫn hơn trong khi tiêu thụ vịt thịt những ngày cuối tháng âm lịch thường trôi hơn.

Tại miền Nam, tiêu thụ tương đối ổn định nhưng do lượng vịt đủ biểu xuất chuồng tăng cao khiến cung vượt cầu, giá cũng có xu hướng giảm thêm, xuống còn 33-37.000 đồng/kg.

Với giao dịch con giống, giá giống bơ tại miền Bắc giảm thêm vào đầu tuần này, xuống còn 10-12.000 đồng/con. Tương tự, giá bầu cánh trắng giống tại miền Bắc giảm mạnh về 2-3.000 đồng/con nhưng vẫn không có người hỏi bắt do thời tiết rất đậm rét hại khiến người chăn nuôi ngại vào chuồng. Trong khi đó, giá giống grimaud tại miền Nam quay đầu tăng tốt trong tuần, đạt lại mức 15-16.000 đồng/kg do nguồn cung giống khan hơn cộng với nhu cầu vào đàn tăng cao nhằm xuất bán dịp Tết thanh minh.

Bảng 8. Bảng giá vịt hơi bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	18/02	21/02	22/02	23/02	24/02	So với tuần trước	So với tháng trước	So với năm trước
Miền Bắc (Vịt Super)	34.000-36.000	28.000-30.000	28.000-30.000	28.000-29.000	28.000-29.000	7.000	7.000-8.000	6.000
Miền Đông (Vịt Grimaud)	35.000-36.000	33.000-35.000	33.000-35.000	33.000-35.000	33.000-35.000	2.000-3.000	3.000-4.000	4.000
Miền Tây (Vịt Grimaud)	37.000-38.000	37.000	37.000	37.000	37.000	1.000	1.000-2.000	6.000-8.000

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

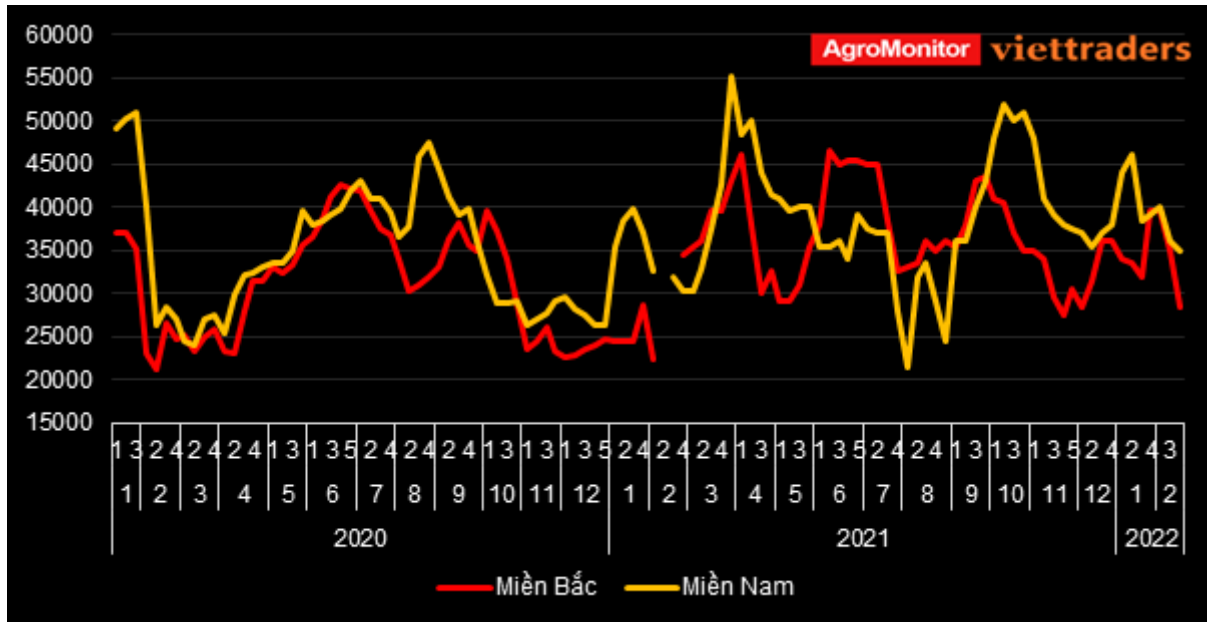
Bảng 9. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Vùng/miền	Tuần này	So với tuần trước	So với tháng trước	So với năm trước
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	10.000-13.000	1.000-3.000	5.000-6.000	2.000
	DOC- Vịt Grimaud	10.000-13.000	1.000-3.000	5.000-6.000	2.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	2.000-3.000	3.000	0	4.000

Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	15.000-16.000	4.000-5.000	3.000	5.000-6.000
	DOC- Vịt Cherry	19.000-20.000	3.000	-	-

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 4. Diễn biến giá vịt tại miền Bắc và miền Nam từ 1/2020- Tuần 4/2/2022(đồng/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.2. THƯƠNG MẠI

1.2.1. Nhập khẩu

Gia cầm sống

- Từ 01/02-22/02/2022, lượng gà trắng giống bố mẹ hướng thịt nhập khẩu về Việt Nam tăng mạnh tới 21% so với cùng kì tháng trước. Cụ thể, từ 01/02/2022-22/02/2022, lượng gà trắng giống bố mẹ hướng thịt nhập khẩu về Việt Nam đạt trên 154 nghìn con, bất ngờ tăng mạnh 21.0% so với cùng kì tháng trước, tương ứng mức tăng gần 26.8 nghìn con, tuy nhiên mức này giảm nhẹ 2.5% so với cùng kì năm trước- tương đương mức giảm gần 3.9 nghìn con. Lũy kế từ đầu năm nay đến hết 22/02/2022, lượng gà trắng giống bố mẹ hướng thịt nhập khẩu về Việt Nam đạt gần 352.8 nghìn con, giảm 16.8% so với cùng kỳ năm trước- tương đương mức giảm xấp xỉ 71.4 nghìn con. Với gà màu giống bố mẹ hướng thịt, lượng gà nhập về từ 01/01/2022-22/02/2022 đạt trên 50.1 nghìn con, chiếm tỉ trọng nhỏ, chỉ bằng trên 14.2% so với lượng gà trắng giống bố mẹ hướng thịt được nhập về.

Bảng 10. Lượng gà giống bố mẹ nhập khẩu về Việt Nam từ 01/01/2021– 22/02/2022 (con)

Tháng/Năm	2021	2022
-----------	------	------

Chủng loại	Cửa khẩu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tháng 1	Tháng 2
Gà trắng thịt	Miền Bắc	152,423	96,997	121,012	170,192	37,940	24,305
	Miền Nam	591,993	558,920	499,947	487,422	160,822	129,730
Gà màu thịt	Miền Bắc	68,104	64,938	102,456	85,934	12,620	3,000
	Miền Nam	101,876	97,938	105,784	71,760	25,896	8,632
Tổng		914,396	818,793	829,199	815,308	237,278	165,667

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 11. Lượng gà hướng trứng nhập khẩu về Việt Nam năm 2020 – 22/02/2022 (con)

Năm	2021		2022	
Tháng/Cửa khẩu	Miền Bắc	Miền Nam	Miền Bắc	Miền Nam
1	-	38,098	15,084	
2	10,098	11,394	9,628	
3	-	53,510		
4	7,540	46,702		
5	17,980	11,880		
6		19,600		
7	14,352	10,440		
8		10,260		
9		78,642		
10	17,492	11,400		
11		21,932		
12		22,726		
Tổng	67,462	336,584	24,712	

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thịt gia cầm đã qua giết mổ

- Trong 15 ngày đầu tháng 2/2022, lượng thịt gia cầm nhập khẩu về Việt Nam giảm mạnh 48.7% so với cùng kì tháng trước. Cụ thể, trong tuần từ 09/02/2022-15/02/2022, lượng thịt gia cầm nhập khẩu về Việt Nam đạt gần 3 nghìn tấn- tăng nhẹ 5.5% so với lượng về của tuần từ 26/01-08/02/2022. Trong 15 ngày đầu tháng 2/2022, lượng thịt gia cầm nhập khẩu về Việt Nam ước đạt trên 4.4 nghìn tấn, giảm mạnh 48.7% so với cùng kì tháng trước-tương ứng mức giảm gần 4.2 nghìn tấn đồng thời giảm 17% so với cùng kì năm trước-tương đương mức giảm gần 899 tấn. Lũy kế từ đầu năm nay đến 15/02/2022, lượng thịt gia cầm nhập khẩu về Việt Nam ước đạt gần 19.5 nghìn tấn, giảm 17.9% so với cùng kì năm trước- tương đương mức giảm trên 4.2 nghìn tấn.

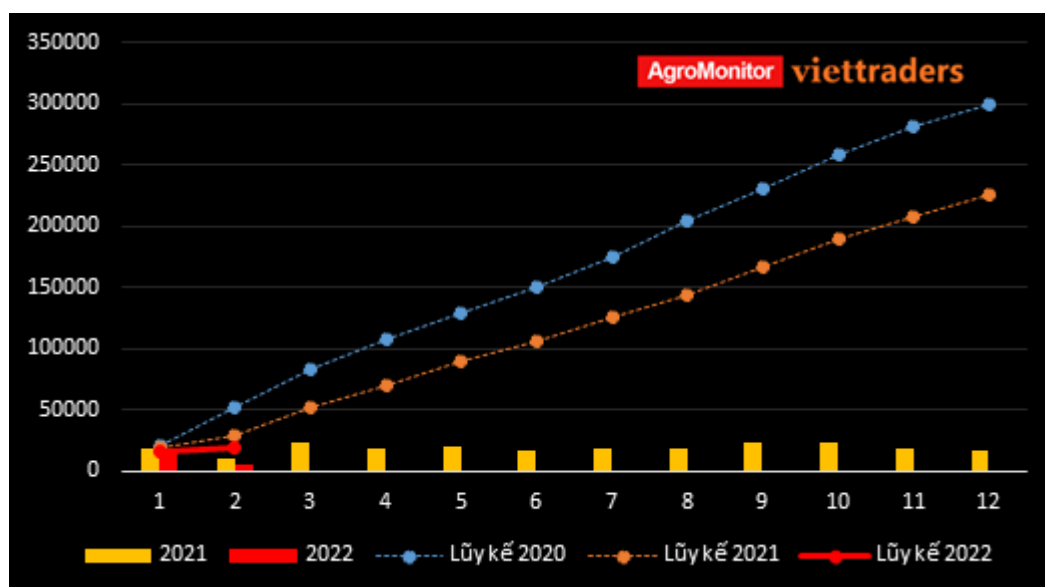
Bảng 12. Lượng thịt gia cầm đã qua giết mổ nhập khẩu về Việt Nam theo tháng năm 2019- 15/02/2022 (tấn)

Tháng	2020	2021	2022
-------	------	------	------

1	20,228.26	18,423.35	15,086.26
2	32,035.82	9,628.46	4,403.88
3	30,098.57	23,385.44	
4	25,815.12	18,715.44	
5	21,407.49	19,908.82	
6	20,243.80	16,186.20	
7	24,568.54	18,626.39	
8	29,583.35	18,433.43	
9	26,288.09	23,356.43	
10	27,360.11	22,653.52	
11	23,066.92	18,761.30	
12	19,541.32	16,963.39	
Tổng	300.237.39	225,042.16	19,490.14

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 5. Lượng thịt gia cầm đã qua giết mổ nhập khẩu về Việt Nam từ 01/2021-15/02/2022 (tấn)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

- Từ 01/02/2022-15/02/2022, lượng nhập khẩu chân gà về Việt Nam đạt trên 1.33 nghìn tấn –chiếm tỉ trọng cao nhất hơn 30%, tiếp theo là lượng nhập khẩu đùi gà, đạt gần 1,3 nghìn tấn, chiếm 28.8% trong tổng số lượng thịt gà được nhập về.

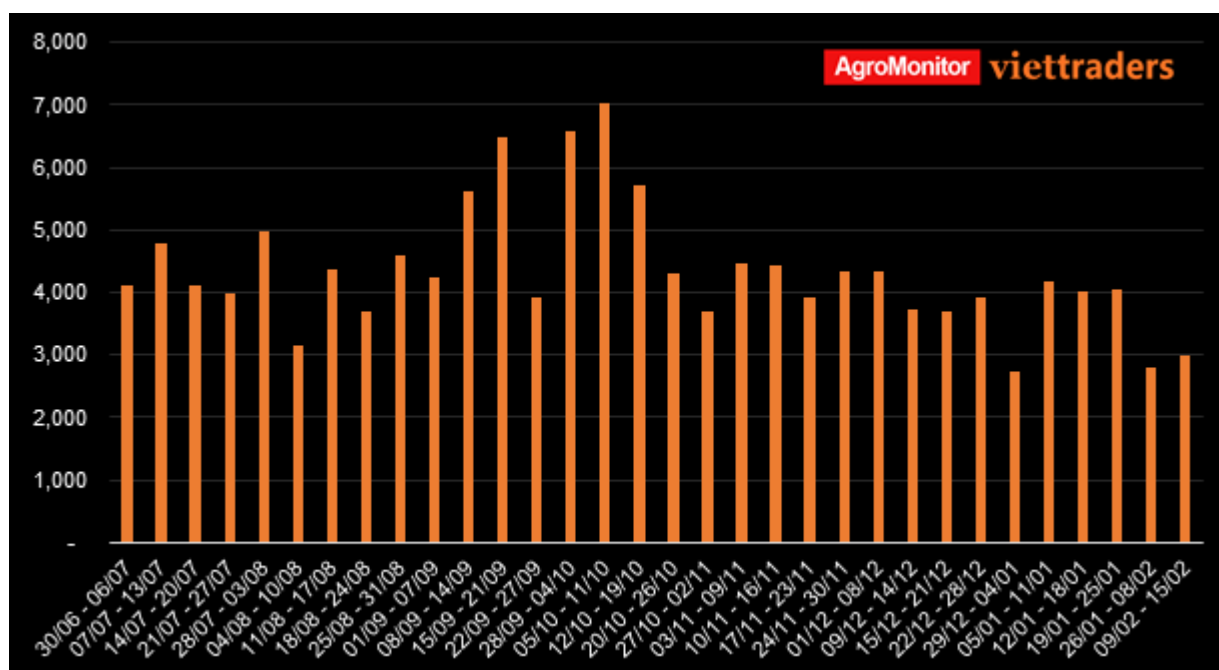
Bảng 13. Lượng nhập khẩu thịt gà theo chủng loại về Việt Nam từ 01/01/2021-15/02/2022 (ĐVT: tấn)

Chủng loại	Năm 2021				2022	
	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tháng 1	Tháng 2
Chân gà	12,937.1	16,693.6	20,965.6	16,117.0	5,022.4	1,330.1

Đùi gà	20,625.2	22,313.7	26,345.3	21,689.3	4,569.9	1,268.2
Nguyên con	5,833.2	5,335.2	4,030.3	7,601.5	1,979.4	820.8
Thịt gà xay	5,858.0	5,478.6	3,813.4	3,813.6	1,454.3	563.4
Cánh gà	1,494.8	1,561.7	2,910.7	6,921.6	1,631.4	226.3
Da gà	2,723.2	1,305.9	294.2	390.5	176.2	138.6
Ức/Lườn gà	986.2	747.1	873.1	935.3	128.0	-
Khác	656.5	980.0	914.2	902.6	96.5	55.3
Tổng	51,114.2	54,415.7	60,146.8	58,371.4	15,058.3	4,402.6

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 6. Lượng thịt gà đã qua giết mổ nhập khẩu về Việt Nam theo tuần từ 30/6/2021-15/02/2022 (tấn)

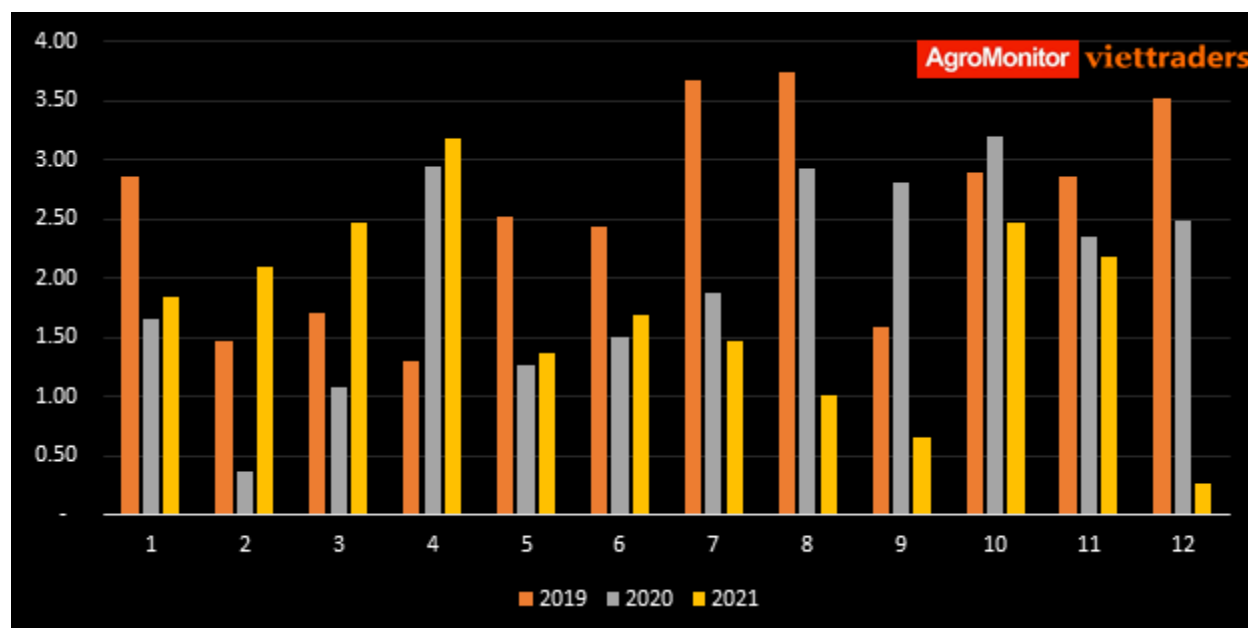


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.2.2. Xuất khẩu

- Xuất khẩu thịt gia cầm đã qua giết mổ (mã hs 0207) của Việt Nam trong năm 2021 đạt trên 20.7 triệu USD, giảm 15.3% so với năm 2020, tương đương mức giảm trên 3.7 triệu USD đến từ sự sụt giảm chủ yếu trong giai đoạn nửa cuối năm, đặc biệt là tháng 12 với kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 269.6 nghìn USD do ảnh hưởng của dịch Covid dẫn đến gián đoạn thương mại giữa giới Việt-Trung khiến lượng xuất khẩu gia cầm giảm mạnh trong tháng cuối năm. Hồng Kông là nước nhập khẩu thịt gia cầm đã qua giết mổ từ Việt Nam nhiều nhất với hơn 9 triệu USD, chiếm 43.6% thị phần, theo sau là thị trường Trung Quốc với kim ngạch nhập khẩu đạt gần 6.36 triệu USD- chiếm 30.7% thị phần và lượng còn lại được xuất sang một số thị trường khác như Thái Lan, Hàn Quốc, Lào, Panaman,....

Hình 7. Kim ngạch xuất khẩu thịt gia cầm đã qua giết mổ của Việt Nam năm 2019-2021 (triệu USD)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 14. Lượng xuất khẩu thịt gà theo chủng loại của Việt Nam từ 6/2021-1/2022 (ĐVT: tấn)

Năm	2021							2022
	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
Chân gà	831.75	879.37	321.60	369.68	780.78	912.92	163.61	99.99
Cánh gà	1.06							
Đùi gà	0.62					0.36		
Ức/lườn gà	0.35							
Nguyên con		0.08						
Khác	6.15			0.19				
Tổng	839.91	879.45	321.60	369.86	780.78	913.28	163.61	99.99

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.3. THỊ TRƯỜNG THÊ GIỚI

1.3.1. Thị trường gia cầm tại Trung Quốc

Sản xuất- tiêu thụ

- Tại vùng Đông Bắc Trung Quốc, lượng gà giống thả nuôi trong giai đoạn tháng 9/2021 ghi nhận sụt giảm 8,68% so với tháng trước và tiếp tục giảm 5,94% trong tháng 10. Theo đó, nguồn cung gà đẻ mới trong tháng

1/2022 giảm 0,68% so với tháng trước đồng thời giảm 7,44% so với cùng kỳ năm ngoái và dự kiến tiếp tục giảm trong tháng 2. Lượng gà đẻ không lớn, nguồn cung trứng không quá dồi dào tuy nhiên nhu cầu tiêu thụ còn chậm chạp khiến giá trứng khu vực này khó được đẩy tăng mạnh trở lại.

- Từ năm 2020, ngành chăn nuôi gà đẻ tại Trung Quốc có lãi tốt, nhu cầu chăn nuôi gà đẻ có chiều hướng liên tiếp được mở rộng. Theo đó, lượng gà đẻ cả nước trong nửa đầu năm nay được dự báo tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái khiến giá trứng được nhận định khó hồi phục trong khoảng thời gian này.

Diễn biến giá

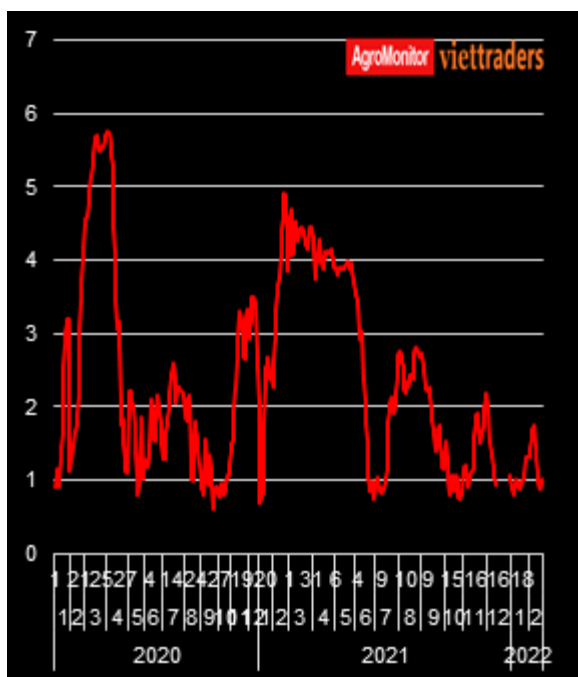
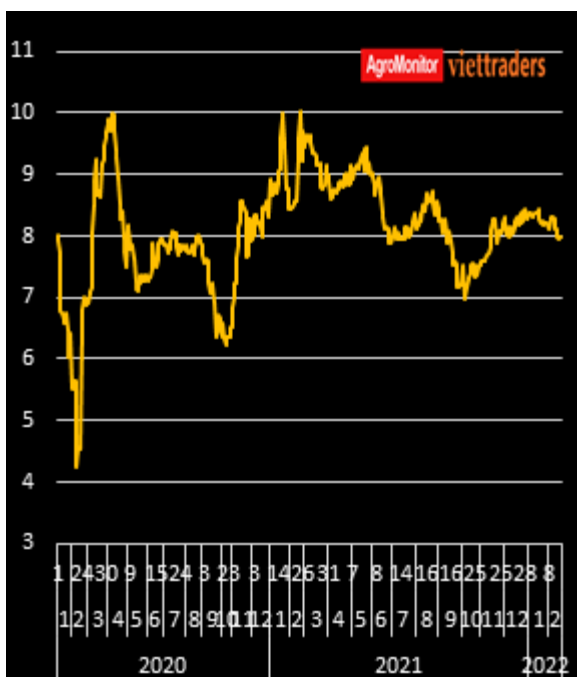
Gà trắng

- **Nguồn cung dần vẫn hơn tuy nhiên sức mua ở các chợ đầu mối chưa thực khởi sắc khiến biên độ giá gà thịt tăng chậm.** Sau khi điều chỉnh tăng nhẹ thì do sức mua ở các chợ truyền thống lẫn chợ đầu mối chưa có nhiều cải thiện kéo giá gà trắng thịt quay đầu giảm lại từ cuối tuần trước đến đầu tuần này. Tuy nhiên, sau đó, giá gà trắng thịt ngưng giảm và có đà tăng nhẹ lên quanh mức 7,98 tệ/kg-tương đương 28.900 đồng/kg vào giữa tuần. Nguồn cung gà có chiều hướng vẫn dần khi trước đó các trại xuất bán nhiều hơn do chi phí thức ăn cao cộng với việc các doanh nghiệp giết mổ đã hoạt động bình thường trở lại thúc đẩy nhu cầu thu mua giúp giá gà dần hồi phục.

- **Với giao dịch gà trắng giống, nhu cầu vào đàn vẫn tương đối chậm khiến giá con giống vẫn dao động ở mức thấp.** Thời gian gần đây, giá gà lông neo đậu ở mức thấp, chăn nuôi gà thịt thua lỗ đã tác động tiêu cực đến thị trường con giống, cùng với đó, giá TACN ở mức cao khiến lực vào đàn mới của người chăn nuôi yếu, kéo giá gà giống sụt mạnh trong nửa cuối tuần trước. Tuy nhiên, việc giá con giống đang duy trì ở mức rất thấp khiến nhiều công ty cắt giảm lượng trứng đưa vào ấp nở mà chuyển thành trứng thương phẩm khiến nguồn cung giống hiện không nhiều giúp giá gà giống đảo chiều tăng lại, lên mức 1,01 tệ/con-tương đương 3.600 đồng/con trong nửa đầu tuần này. Với mức giá này, hiện giá con giống đang thấp hơn rất nhiều so với mức của cùng kỳ năm ngoái khi thời điểm đó, giá con giống leo cao lên gần 5 tệ/con.

Hình 8: Diễn biến giá gà trắng thịt tại Trung Quốc từ 2020-23/02/2022 (tệ/kg)

Hình 9: Diễn biến giá gà trắng giống tại Trung Quốc từ 2020-23/02/2022 (tệ/con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Trứng

- Tiêu thụ trên thị trường rất chậm kéo giá trứng liên tiếp giảm sâu. Đàn gà đẻ trên thị trường vẫn giữ ở mức thấp, cùng với đó nhiệt độ thấp ở hầu hết các vùng trên cả nước khiến tỉ lệ đẻ trứng giảm, nguồn cung trứng không quá dư thừa. Tuy nhiên, do nhu cầu thu mua của các thương lái và siêu thị nhìn chung tương đối chậm chạp cùng với ảnh hưởng của giá heo liên tiếp suy yếu là lực cản cho tiêu thụ các thực phẩm gia cầm, tiêu thụ trứng toàn thị trường nhìn chung yếu kéo giá trứng sụt mạnh, xuống mức 7,38 tệ/kg, tương đương 26.600 đồng/kg vào giữa tuần này.

Bảng 15. Bảng giá giao dịch trứng trung bình tại Trung Quốc từ 17/02/2022-23/02/2022

Loại giá	Đơn vị tính	Tuần này	Tuần trước
Trứng gà	CNY/kg	7,47	7,61
(DCE) Kỳ hạn T3/2022	CNY/500kg	3.939	3.964
(DCE) Kỳ hạn T4/2022	CNY/500kg	4.074	4.078
(DCE) Kỳ hạn T5/2022	CNY/500kg	4.242	4.254

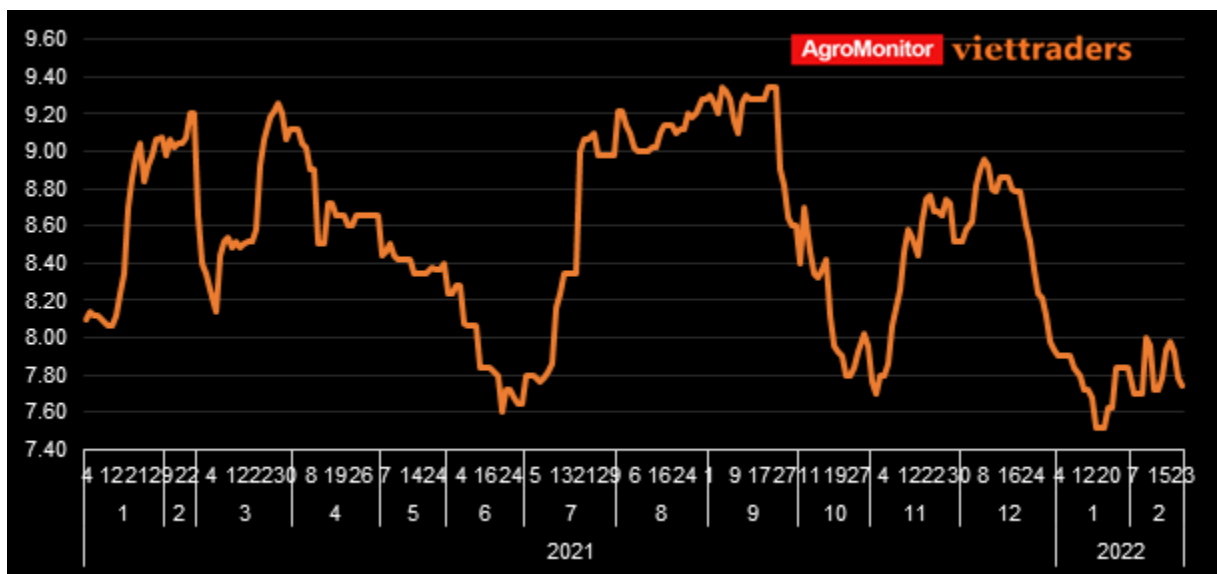
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Vịt

- Ảnh hưởng của giá gà lẫn giá heo liên tiếp giảm trong thời gian gần đây đã kìm hãm tiêu thụ thịt vịt kéo giá vịt quay đầu giảm lại trong nửa đầu tuần này. Nguồn cung vịt chưa thực sự dồi dào do trước đó các trại

thu hẹp quy mô sản xuất đẩy giá vịt thịt có đà tăng tốt, lên cao nhất 7,98 tỷ/kg trong cận cuối tuần trước. Tuy nhiên, dù nguồn cung không nhiều nhưng do chi phí thức ăn tăng mạnh trong thời gian gần đây khiến người chăn nuôi có tâm lý muốn xuất bán vịt nhiều hơn cùng với đó nhu cầu thu mua vịt tại cửa chuồng chậm lại kéo giá vịt giảm mạnh trong nửa đầu tuần này, xuống mức 7,74 tỷ/kg, tương đương 28.000 đồng/kg. Với giao dịch vịt giống, nguồn cung khan hiếm tuy nhiên nhu cầu vào đàn rất chậm khiến giá có diễn biến bấp bênh trong tuần qua. Sau khi điều chỉnh tăng nhẹ vào cận cuối tuần trước thì giá con giống quay đầu giảm lại theo đà giảm của giá vịt thịt. Tuy nhiên, với việc giá vịt giống đang giao dịch ở mức rất thấp, các công ty chuyên giống có xu hướng muốn cắt giảm công suất tránh lỗ, hạn chế lượng giống bán ra, theo đó giá giống được điều chỉnh tăng lên mức chỉ 0,86 tỷ/con, tương đương 3.100 đồng/con.

Hình 10: Diễn biến giá vịt thịt tại Trung Quốc từ 01/01/2021-23/02/2022 (tỷ/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.3.2. Thị trường gia cầm tại một số nước khác

EU

Bảng 16. Bảng giá gà thịt và giá trứng khu vực EU tuần 7 năm 2022

Tuần 07	EUR/100kg	VND/kg	Biến động giá 1 tuần (%)	Biến động giá 1 tháng (%)	Biến động giá 1 năm (%)
Gà thịt	227,19	60.200	+1,8	+3,2	+18,8
Trứng	146,63	38.860	+0,7	+2,2	+16,7

Brazil

Hình 11. Diễn biến giá gà đông lạnh và làm mát tại Brazil từ 2020- 23/02/2022 (USD/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Mỹ

Bảng 17. Lượng gà thịt được đưa vào giết mổ tại Mỹ theo tuần (1000 con)

Tuần kết thúc	Số lượng	Thay đổi so với tuần trước (%)
19/02/2022	161383	+0,40
12/02/2022	160741	+2,14
04/02/2022	157379	+1,04
29/01/2022	155763	+0,37
19/02/2022	161383	+0,40

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thái Lan

Bảng 18. Bảng giá giao dịch gia cầm tại Thái Lan từ 17/02/2022-23/02/2022

Nước	Loại giá	Đơn vị tính	Tuần này	Tuần trước
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	40,5	40,5
	Gà nửa con	Baht/kg	85,0	85,0

	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	17,0
--	---------------	----------	------	------

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 19. Bảng giá giao dịch trứng tại Thái Lan từ 17/02/2022-23/02/2022

Nước	Loại giá	Đơn vị tính	Tuần này	Tuần trước
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 quả trứng	300,0	300,0
	Trứng số 3	Baht/100 quả trứng	293,0	293,0
	Trứng số 4	Baht/100 quả trứng	276,0	276,0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Philippines

- Bộ Nông nghiệp Philippines cho biết đã phát hiện ổ dịch cúm gia cầm thuộc chủng H5N1 ở một số trang trại nuôi vịt và chim cút gần thủ đô nước này sau hơn một năm không ghi nhận dịch bệnh. Các nhà chức trách thú y đã nhanh chóng tiêu hủy tất cả gia cầm trong các trang trại này để ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh.

1.4. TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chỉ tiêu	Diễn giải
Thị trường thế giới	<p>- Trung Quốc:</p> <p>- Bên phía cung, lượng gà lông chưa có nhiều trở lại trong khi các công ty giết mổ đã hoạt động ổn định sau kì nghỉ Tết, nhu cầu thu mua cao hơn tiếp tục là trợ lực cho giá gà. Tuy nhiên, giá các loại thực phẩm gia cầm khác như trứng, vịt thịt liên tục sụt sâu trong thời gian gần đây, đặc biệt là áp lực nguồn cung heo vẫn được đẩy mạnh ra thị trường, giá heo khó có thể cải thiện khiến tiêu thụ gà trắng được nhận định khó có cải thiện rõ rệt trong tuần tới.</p> <p>- Với gà trắng giống, giá gà thịt đang giao dịch ở mức thấp, người chăn nuôi không quá lạc quan vào thị trường trong bối cảnh giá TACN ở ngưỡng cao khiến nhu cầu vào đàn mới tương đối chậm chạp, dự kiến giá con giống khó có thể bật tăng tốt trở lại.</p>
Thị trường Việt Nam	<p>- Đối với giao dịch gà trắng</p> <p>+ Tại miền Bắc, nguồn cung gà trắng tại thị trường tự do hiện vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục trong khi thời tiết trong tuần tới ấm hơn thúc đẩy sức mua sẽ tốt hơn. Theo đó, giá gà trắng có thể sẽ tiếp tục tăng tuy nhiên biên độ tăng sẽ không rộng do dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, số ca mắc tăng cao khiến nhiều hoạt động còn bị hạn chế, khối bếp ăn tập thể tiêu thụ gia cầm lớn như khối mẫu giáo, tiểu học khó đi hỗ trợ lại trong ngắn hạn tới.</p>

+ Tại miền Nam, tiêu thụ gia cầm có phần trôi hơn ngoài Bắc tuy nhiên nguồn cung dồi dào khiến cung vượt cầu. Điều này sẽ làm cản trở lúc tăng của giá gà lại.

- Đối với giao dịch vịt thịt:

+ Tại miền Bắc, nguồn cung vịt vẫn hơn trong khi tiêu thụ vịt thịt trong những ngày cuối tháng âm lịch thông thường trôi hơn hỗ trợ giá vịt sẽ ngưng giảm và có khả năng đảo chiều tăng lại trong ngắn hạn tới.

+ Tại miền Nam, tiêu thụ vịt khá tốt từ sau ngày rằm tháng Giêng đến nay trong khi nguồn cung vịt đang dần vẫn lại hỗ trợ giá vịt có thể hồi phục trong tuần sau.

PHỤ LỤC

Bảng 20. Bảng giá giao dịch gà trắng thịt và gà trắng giống tại Trung Quốc tuần từ 17/02/2022-23/02/2022

Loại giá	Đơn vị tính	17/02	18/02	21/02	22/02	23/02	Tuần trước
Gà trắng thịt	CNY/kg	8,12	7,98	7,94	7,98	7,98	8,26
Gà trắng giống	CNY/con	0,95	0,89	0,89	0,97	1,01	1,45

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 21. Bảng giá giao dịch vịt thịt và vịt giống tại Trung Quốc từ 17/02/2022-23/02/2022

Loại giá	Đơn vị tính	17/02	18/02	21/02	22/02	23/02	Tuần trước
Vịt thịt	CNY/kg	7,94	7,98	7,92	7,78	7,74	7,84
Vịt giống	CNY/con	1,25	1,25	0,76	0,86	0,86	1,46

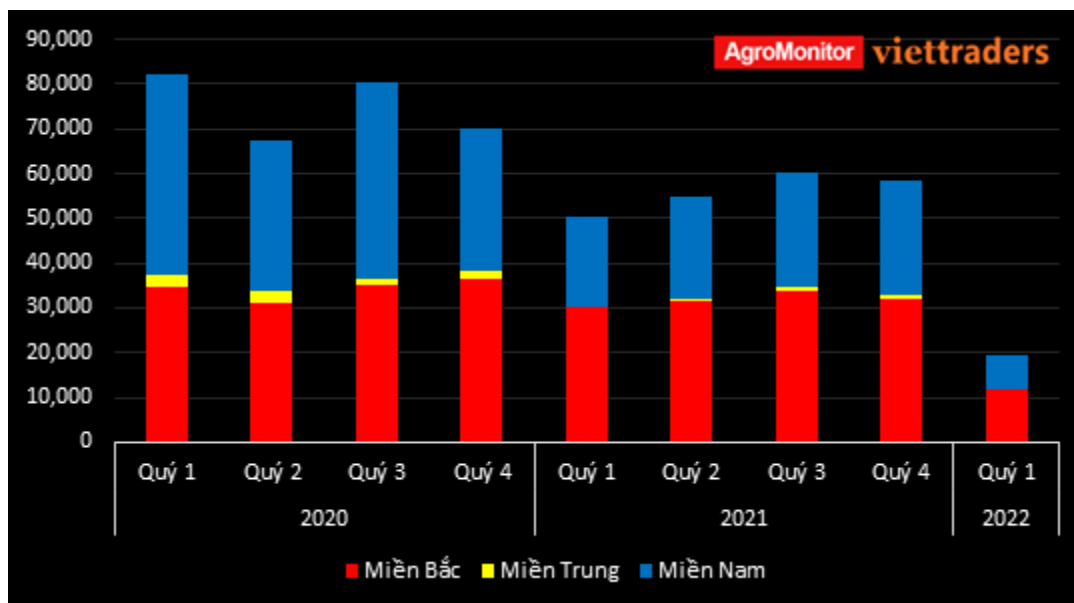
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 22. Lượng nhập khẩu thịt gia cầm đã qua giết mổ theo cảng/cửa khẩu thuộc các miền 2021-15/02/2022 (tấn)

Vùng miền	2021				2022
	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Quý 1
Miền Bắc	29,970.5	31,508.1	33,644.4	32,118.1	11,742.3
Miền Trung	19.9	700.7	976.3	763.9	134.4
Miền Nam	20,546.9	22,601.7	25,795.6	25,496.3	7,613.4
Tổng	51,437.2	54,810.5	60,416.2	58,378.2	19,490.1

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 12. Lượng nhập khẩu thịt gia cầm đã qua giết mổ theo cảng/cửa khẩu thuộc các miền từ 2020-15/02/2022 (tấn)



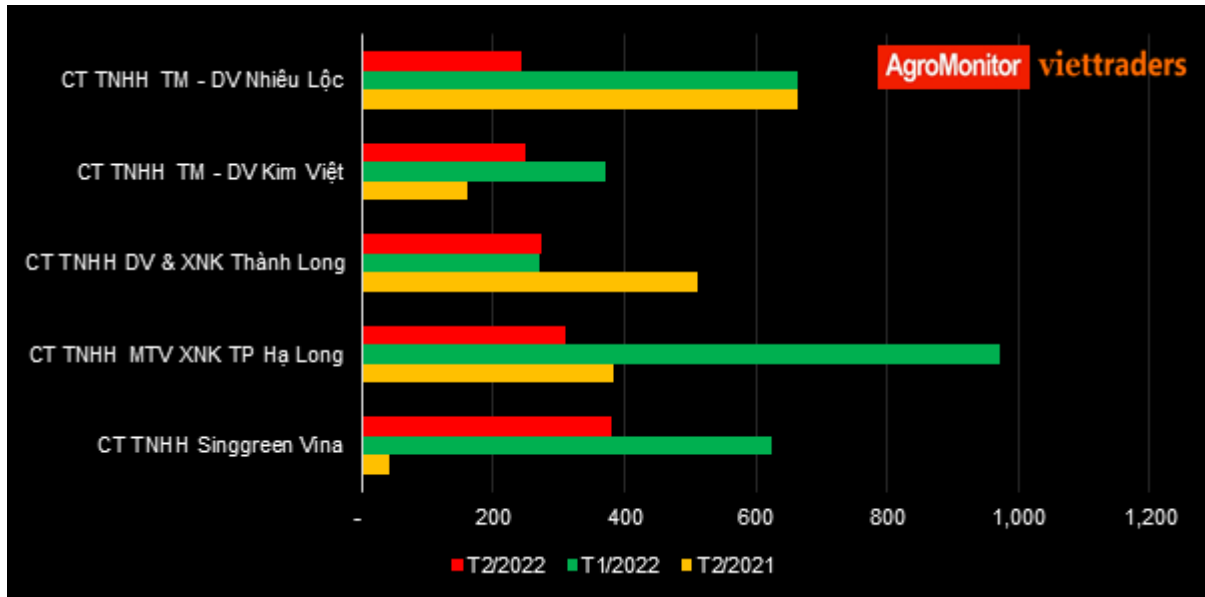
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 23. Top 5 doanh nghiệp nhập khẩu thịt gia cầm lớn nhất về Việt Nam từ 01/02/2022-15/02/2022 (đtv: tấn,%)

Doanh nghiệp	Lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)
CT TNHH Singgreen Vina	379.3	8.6
CT TNHH MTV XNK TP Hạ Long	310.9	7.1
CT TNHH DV & XNK Thành Long	273.5	6.2
CT TNHH TM - DV Kim Việt	249.6	5.7
CT TNHH TM - DV Nhiều Lộc	243.9	5.5
Khác	2,946.7	66.9
Tổng	4,403.9	100.0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 13. Top 5 doanh nghiệp nhập khẩu thịt gia cầm lớn nhất về Việt Nam từ 01/02/2022-15/02/2022 so với cùng kì tháng 1/2022 và 2/2021 (đtv: tấn)



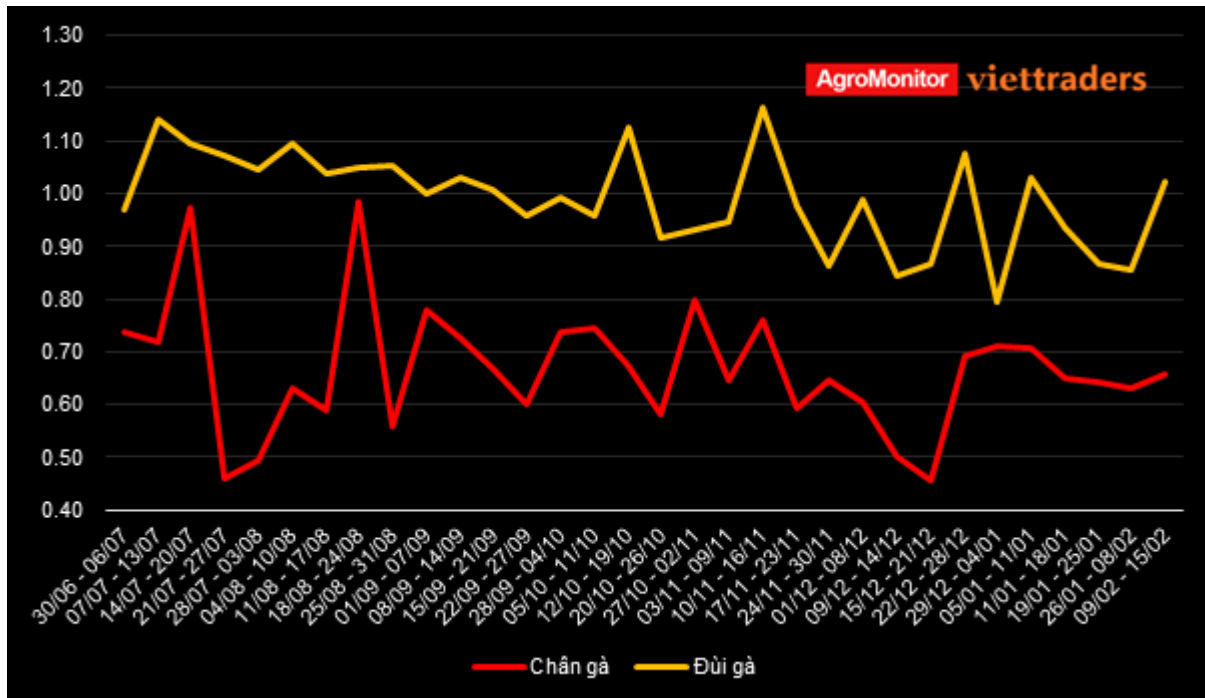
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 24. Giá trung bình nhập khẩu một số chủng loại thịt gà theo tháng về Việt Nam từ 01/01/2021-15/02/2022 (ĐVT: USD/kg)

Chủng loại/năm	2021				2022	
	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tháng 1	Tháng 2
Cánh gà	1.9	1.7	1.7	1.70	1.62	1.59
Chân gà	0.8	0.8	0.7	0.65	0.65	0.67
Đùi gà	0.8	1.0	1.0	0.97	0.94	0.91
Nguyên con	1.0	1.2	1.3	1.32	1.30	1.28
Thịt gà xay	0.5	0.5	0.6	0.70	0.74	0.78

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: số liệu lấy theo ĐKGH là CIF)

Hình 14. Diễn biến giá nhập khẩu Chân gà và Đùi gà về Việt Nam theo tuần tính đến ngày 15/02/2022 (USD/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: số liệu lấy theo ĐKGH là CIF)

Bảng 25. Top 5 thị trường xuất khẩu thịt gà lớn nhất sang Việt Nam từ 01/02/2022-15/02/2022 (ĐVT: tấn, %)

Thị trường	Lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)
Hàn Quốc	1,295.9	29.4
Mỹ	1,084.0	24.6
Brazil	741.8	16.8
Iran	283.6	6.4
Nga	270.0	6.1
Khác	727.4	16.5
Tổng	4,402.6	100.0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp